

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHAN ĐÌNH NAM

**TỔNG HỢP HÌNH PHẠT
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHAN ĐÌNH NAM

**TỔNG HỢP HÌNH PHẠT
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành : Luật hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số : 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. ĐỖ ĐỨC HỒNG HÀ**

HÀ NỘI, năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả trong luận văn thạc sĩ Luật học “*Tổng hợp hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*” là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Phan Đình Nam

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỔNG HỢP HÌNH PHẠT	8
1.1. Các vấn đề lý luận về Tổng hợp hình phạt.....	8
1.2. Quy định của pháp luật về Tổng hợp hình phạt	16
CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN TỔNG HỢP HÌNH PHẠT TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	43
2.1. Tổng quan tình hình xét xử các vụ án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	43
2.2. Thực tiễn Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội	45
2.3. Thực tiễn Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án	52
2.4. Thực tiễn tổng hợp hình phạt trong trường hợp có liên quan đến án treo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.....	57
2.5. Thực tiễn tổng hợp hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.....	59
CHƯƠNG 3. CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN ĐÚNG TỔNG HỢP HÌNH PHẠT	62
3.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổng hợp hình phạt	62
3.2. Các giải pháp khác về Tổng hợp hình phạt.....	66
KẾT LUẬN	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
HSST	: Hình sự sơ thẩm
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
TP	: Thành phố
TPĐN	: Thành phố Đà Nẵng
UBND	: Ủy ban nhân dân
VKSNDTC	: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Số hiệu bảng</i>	<i>Tên bảng</i>	<i>Trang</i>
2.1.	Số liệu về công tác giải quyết, xét xử án hình sự của tòa án nhân dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2012 đến năm 2016	43
2.2.	Số liệu về các bị cáo phạm nhiều tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2012 đến năm 2016	45
2.3.	Số liệu về các bị cáo phạm nhiều tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2012 đến năm 2016	52
2.4.	Số liệu về tổng số bị cáo được hưởng án treo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2012 đến năm 2016	57
2.5.	Số liệu về tổng số bị cáo đã xét xử là người chưa thành niên từ năm 2012 đến 2016	59

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tội phạm là một hiện tượng tiêu cực trong xã hội, nên việc đấu tranh phòng chống tội phạm để bảo vệ lợi ích và duy trì kỉ cương xã hội luôn là một nhiệm vụ quan trọng nhất của mỗi Nhà nước. Để cụ thể hóa, Bộ luật hình sự đã quy định những hành vi nào được coi là nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hay vô ý xâm phạm các khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ là tội phạm.

Hình phạt là một dạng điển hình nhất và phổ biến của trách nhiệm hình sự. Hình phạt là chế tài nghiêm khắc nhất của Nhà nước đối với người phạm tội và họ phải gánh chịu hậu quả bất lợi do hành vi phạm tội của mình. Hậu quả đó là hạn chế hoặc tước bỏ quyền và lợi ích của người phạm tội, thậm chí là cả quyền sống của họ. Việc quyết định hình phạt dựa trên tính chất nguy hiểm và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đưa ra một hình phạt phù hợp. Thực tế xét xử vụ án hình sự trong những năm qua cho thấy: Có nhiều trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi phạm tội nhưng không bị phát hiện và đưa ra xét xử cùng một lúc, mỗi hành vi cấu thành một tội phạm riêng biệt hay một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án đó hoặc một người đang phải chấp hành bản án mà phạm tội mới thì để đánh giá toàn diện và đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của tất cả các tội mà người phạm tội đã thực hiện, Tòa án phải tổng hợp hình phạt của các tội thành hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành. Đây là một quy định đặc biệt quan trọng trong Luật hình sự. Bộ luật hình sự hiện hành tuy đã có quy định về quy định này nhưng xét về nội dung cũng như kỹ thuật lập pháp của các quy định đó còn chưa hoàn thiện và điều đó đã dẫn đến một số vướng mắc trong quá trình áp dụng. Điều này gây lúng túng và có không ít trường hợp áp dụng còn chưa thống nhất các quy định của BLHS trong hoạt động xét xử của Tòa án các cấp. Bên cạnh đó, Đà Nẵng là một thành phố đang phát triển với tốc độ tăng

trường hàng đầu của Việt Nam, được xếp vào hàng thành phố đáng sống với mật độ dân trí cao, người lao động từ các tỉnh khác tập trung về TP Đà Nẵng để làm ăn sinh sống rất đông, nên đây cũng là điều kiện để cho các loại tội phạm nhân cơ hội đó mà phát triển ngày càng có tính tinh vi và nguy hiểm hơn trước. Tình trạng cướp giật, cờ bạc, buôn bán ma túy, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, giết người ngày càng diễn ra phức tạp cùng với sự tinh vi của tội phạm nhằm chống đối với cơ quan thực thi pháp luật. Hiện nay, khoa học luật hình sự trong nước đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về hình phạt, quyết định hình phạt nhưng chủ yếu chỉ đề cập một cách tổng thể và có hệ thống những khía cạnh lý luận chung nhất về hình phạt mà chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu có hệ thống, toàn diện và sâu sắc riêng về tổng hợp hình phạt dưới góc độ lý luận cũng như thực tiễn áp dụng. Trong khi đó, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành các văn bản quan trọng về cải cách tư pháp như: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về "Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới", Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 25/4/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020". Đặc biệt, trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" đã xác định: "Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp, phù hợp mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội" [8]. Việc Tổng hợp hình phạt cũng là một nội dung quan trọng trong công tác hoàn thiện pháp luật để răn đe và đấu tranh phòng ngừa tội phạm có hiệu quả hơn. Như vậy, cần có những nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về Tổng hợp hình phạt để làm sáng tỏ về mặt khoa học và đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả của việc áp dụng Tổng hợp hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam nói chung và từ thực tiễn trên địa bàn TP Đà Nẵng nói riêng không chỉ có ý nghĩa lý luận, thực tiễn và pháp lý quan trọng mà còn là lý do luận chứng cho sự cần thiết để tác giả lựa

chọn đề tài "Tổng hợp hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng" làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Trong những năm qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu về quy định Tổng hợp hình phạt ở nhiều phương diện, phạm vi khác nhau để làm sáng tỏ các vấn đề mang tính lý luận, thực tiễn và đã được công bố trong các công trình khoa học, giáo trình giảng dạy, bài viết trên các tạp chí và sách chuyên khảo như:

Ở cấp độ luận văn thạc sĩ luật học có các đề tài luận văn thạc sĩ luật học như: Luận văn thạc sĩ luật học, trường Đại học Luật Hà Nội của tác giả Trần Văn Sơn "*Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*", 1996. Luận văn Thạc sĩ luật học, Viện Nhà nước và pháp luật của tác giả Hoàng Chí Kiên "*Quyết định hình phạt trong trường hợp đặc biệt*", 2004 .

Bên cạnh đó, về giáo trình, sách chuyên khảo, bình luận có các công trình sau: Giáo trình Luật hình sự phần chung, nhà xuất bản Công an nhân dân, 2001 và giáo trình Luật hình sự phần các tội phạm, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2002 của GS.TS Võ Khánh Vinh. Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, của PGS.TS Nguyễn Ngọc Hòa, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995. Tội phạm học, Luật hình sự và Tố tụng hình sự Việt Nam, của GS.TS Võ Khánh Vinh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995. Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung), của TS Ưông Chu Lư và ThS. Trần Văn Sơn, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội, 1997. Dương Tuyết Miên, Định tội danh và quyết định hình phạt, Nhà xuất bản Lao động và xã hội, Hà Nội, 2006; Đinh Văn Quế, Bình luận khoa học BLHS Việt Nam năm 1999 (phần chung), Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 2000; v.v...

Ngoài ra, một số tác giả cũng đã công bố những bài báo khoa học có đề cập đến hình phạt như: Đinh Văn Quế, "Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án", Tạp chí Tòa án nhân dân, số 11, 2004; Đinh Văn Quế, "Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội", Tạp chí kiểm sát, số 6, 2007; Đinh Thị Chiến, "Điều 50, 51 có mâu thuẫn với điều 33 BLHS hay không", Đặc san khoa học pháp lý, số 4, 2000; Đỗ Văn Chính, "Về việc Tổng hợp hình phạt", Tạp chí Tòa

án, số 1, 2004; Nguyễn Ngọc Hòa, "Trường hợp phạm nhiều luật trong luật hình sự", Tạp chí Luật học, số 1, 2003; Phạm Hồng Hải, "Một số điểm mới cơ bản trong phần chung BLHS năm 1999", Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 6, 2000; Phạm Văn Thiệu, "Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án", Tạp chí Tòa án, số 3, 2008; Phạm Mạnh Hùng, "Vấn đề người chưa thành niên phạm tội trong luật hình sự", Tạp chí Kiểm sát, số 4, 1999; Trần Văn Dũng, "Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội", Tạp chí Luật học, số 5, 2002; Trần Văn Đệ, "Quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội", Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 1, 2003; GS.TS Võ Khánh Vinh và Lê Văn Đệ, "Tổng hợp thực tế về phạm nhiều tội - Một hình thức biểu hiện của chế định phạm nhiều tội", Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 12, 1999; ThS. Phạm Mạnh Hùng, "Hoàn thiện các quy định của BLHS về hệ thống hình phạt và quyết định hình phạt", Tạp chí Kiểm sát, số 4, 2001 v.v...

Trên cơ sở nghiên cứu cho thấy, quy định Tổng hợp hình phạt chưa được quan tâm nghiên cứu đúng mức, quy định này chủ yếu được nằm trong nội dung hình phạt và quyết định hình phạt - đó là một nội dung nhỏ trong của các sách giáo trình, sách chuyên khảo mà không có một cuốn giáo trình, chuyên khảo, bình luận chuyên biệt về quy định này. Quy định Tổng hợp hình phạt được nghiên cứu riêng chủ yếu qua các bài báo của các nhà khoa học. Mặt khác, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu về đề tài: Tổng hợp hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng. Do vậy, quy định Tổng hợp hình phạt cần được quan tâm hơn nữa trong công tác nghiên cứu khoa học, để hoàn thiện quy định này nhằm góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay trên cả nước nói chung và trên địa bàn t/p Đà Nẵng nói riêng.

Như vậy, tình hình nghiên cứu trên đây lại một lần nữa cho phép khẳng định việc nghiên cứu đề tài "Tổng hợp hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng" là đòi hỏi khách quan, cấp thiết, vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nghiên cứu các quy định của pháp luật về Tổng

hợp hình phạt dưới khía cạnh lập pháp hình sự và áp dụng chúng trong thực tiễn trên địa bàn t/p Đà Nẵng, từ đó luận văn đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về tổng hợp hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam, cũng như đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả của tổng hợp hình phạt này trong thực tiễn áp dụng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, tác giả luận văn đặt cho mình các nhiệm vụ nghiên cứu chính sau đây:

Một là, làm rõ hơn những vấn đề lý luận về Tổng hợp hình phạt;

Hai là, nghiên cứu quy định Tổng hợp hình phạt trong lịch sử pháp luật hình sự từ năm 1945 đến nay để thấy được quá trình hình thành và phát triển của quy định, qua đó thấy được chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với quy định này;

Ba là, nghiên cứu một số trường hợp Tổng hợp hình phạt cụ thể và xem xét đến thực tiễn áp dụng trên địa bàn t/p Đà Nẵng để trên cơ sở đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện những quy định về Tổng hợp hình phạt cũng như những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là tình hình Tổng hợp hình phạt

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu về tổng hợp hình phạt dưới góc độ pháp lý hình sự trong thực tiễn xét xử của Tòa án các cấp trên địa bàn t/p Đà Nẵng, thông qua khảo sát thực tiễn từ năm 2012 đến năm 2016

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Cơ sở phương pháp luận của đề tài luận văn là luận điểm của triết học Mác - Lênin về chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng mác-xít, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và nhà nước ta về xây dựng nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, về vấn đề cải cách tư

pháp được thể hiện trong các nghị quyết đại hội Đảng VIII, IX, X và các Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 26/5/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính trị.

5.1. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn đã sử dụng các phương pháp cụ thể và đặc thù của khoa học luật hình sự như: Phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh và phương pháp lịch sử.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa quan trọng về phương diện lý luận và thực tiễn áp dụng vì công trình này đã giải quyết một số vấn đề về lý luận và thực tiễn liên quan tới quy định Tổng hợp hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Một là, xây dựng khái niệm Tổng hợp hình phạt và phân tích các nguyên tắc tổng hợp hình phạt. Phân tích, làm rõ các vấn đề liên quan đến quy định tổng hợp hình phạt theo Luật hình sự Việt Nam;

Hai là, nghiên cứu chỉ ra những đặc điểm chủ yếu của quá trình hình thành và phát triển của quy định Tổng hợp hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 cho đến nay;

Ba là, nghiên cứu, phân tích các trường hợp Tổng hợp hình phạt, tổng hợp các quan điểm của các nhà khoa học và tình hình áp dụng của Tòa án các cấp trên địa bàn t/p Đà Nẵng;

Bốn là, phân tích sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định về Tổng hợp hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam hiện nay và chỉ ra những phương hướng, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao chất lượng hoạt động tổng hợp hình phạt trong BLHS Việt Nam hiện nay.

Với những điểm mới trên, hy vọng luận văn sẽ là một tài liệu tham khảo bổ ích và cần thiết không chỉ cho những người quan tâm đến vấn đề tổng hợp hình phạt mà còn đối với những người thực thi pháp luật nói chung, và cơ quan xét xử nói riêng, góp phần vào việc nghiên cứu những cơ sở khoa học và thực tiễn để sửa đổi,

bổ sung hoàn thiện BLHS.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật hình sự Việt Nam về Tổng hợp hình phạt.

Chương 2: Thực tiễn Tổng hợp hình phạt tại thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Các giải pháp bảo đảm thực hiện đúng Tổng hợp hình phạt.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỔNG HỢP HÌNH PHẠT

1.1. Các vấn đề lý luận về Tổng hợp hình phạt

1.1.1. Khái niệm Tổng hợp hình phạt

Theo nguyên tắc của Luật hình sự thì một người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và được BLHS quy định là tội phạm thì phải chịu hình phạt. Theo điều 45 BLHS quy định: "Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự" [30]. Đây là trường hợp người phạm một tội được quy định trong BLHS. Tuy nhiên, nhiều trường hợp, người phạm tội phạm nhiều tội tương ứng với việc tuyên nhiều hình phạt. Về mặt lý luận cũng như thực tiễn xét xử cho thấy, không phải người phạm nhiều tội nào cũng bị phát hiện và đem ra xét xử cùng một lúc. Có trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi phạm tội bị phát hiện, được đưa ra xét xử cùng một lần và bị Tòa án tuyên nhiều hình phạt (trường hợp phạm nhiều tội). Tuy nhiên, cũng có trường hợp bị cáo đang chấp hành một bản án lại bị đem ra xét xử về một tội mà người đó đã phạm trước hoặc sau khi có bản án đang chấp hành (trường hợp có nhiều bản án). Trong các trường hợp trên, người bị kết án sẽ phải chịu nhiều hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của các hành vi phạm tội. Hình phạt người bị kết án phải chấp hành có thể cùng loại nhưng cũng có thể khác loại. Có loại hình phạt có thể quy về cùng loại nhưng cũng có trường hợp bị cáo phải chấp hành đồng thời nhiều hình phạt. Để đánh giá toàn diện về nhân thân người phạm tội cũng như thể hiện đầy đủ nhất thái độ của Nhà nước đối với họ, khi xét xử Tòa án phải tổng hợp tất cả các hình phạt đã tuyên thành hình phạt chung. Mặt khác, việc tổng hợp hình phạt sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thi hành án khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

Trong BLHS Việt Nam năm 1999 có bốn trường hợp khi xét xử Tòa án phải tổng hợp hình phạt. Đó là:

** Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (điều 50)*

Theo điều 50 BLHS quy định: "Khi xét xử cùng một lần một người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó tổng hợp hình phạt theo quy định" [30]. Như vậy, tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là trường hợp khi xét xử, Tòa án kết án bị cáo phạm từ hai tội trở lên và khi quyết định hình phạt Tòa án phải quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó mới quyết định hình phạt chung đối với các tội đó và buộc bị cáo phải chấp hành.

Những nguyên tắc để quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội do điều 50 BLHS quy định được áp dụng khi có những điều kiện sau:

Thứ nhất, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là có lỗi trong việc thực hiện 2 tội phạm trở lên.

Thứ hai, những tội phạm đó do những điều luật khác nhau (các khoản khác nhau của một điều luật) của phần các tội phạm của Bộ luật hình sự quy định.

Thứ ba, đối với các tội đã được thực hiện chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và việc ban hành đại xá không ảnh hưởng đến việc áp dụng hình phạt.

Thứ tư, người phạm tội chưa bị kết án về một trong những tội do họ đã thực hiện " [52, tr.421].

Như vậy, việc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội được thực hiện khi người phạm tội phạm đã phạm hai hay nhiều tội phạm. Tòa án sẽ quyết định hình phạt hình phạt chính và hình phạt bổ sung (nếu có) cho mỗi tội phạm theo quy định về quyết định hình phạt, sau đó tổng hợp thành hình phạt chung theo quy định riêng đối với trường hợp phạm nhiều tội.

Để Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội thì ta phải hiểu thế nào là "*phạm nhiều tội*". Mặc dù khái niệm "*phạm nhiều tội*" chưa được đề cập ở bất cứ BLHS nào của Việt Nam, song khái niệm này đã được đề cập nhiều trong khoa học luật hình sự. Việc làm rõ khái niệm "*phạm nhiều tội*" thể hiện bản chất của việc áp dụng điều 50 BLHS. Do vậy, việc tìm hiểu khái niệm "*phạm nhiều tội*" là cần thiết. Trong các giai đoạn lịch sử, khoa học luật hình sự đều thừa nhận có hai trường hợp phạm nhiều tội, đó là:

Trường hợp thứ nhất, trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành vi khác

nhau, mỗi hành vi cấu thành tội phạm một tội trong phần tội phạm của BLHS.

Trường hợp thứ hai, trường hợp một hành vi phạm tội thỏa mãn đồng thời nhiều cấu thành tội phạm cụ thể khác nhau, gồm có các trường hợp sau:

- Một hành vi phạm tội đồng thời thỏa mãn dấu hiệu của hai cấu thành tội phạm cụ thể khác nhau.

- Một hành vi phạm tội vừa thỏa mãn một cấu thành tội phạm cụ thể vừa thỏa mãn cấu thành tội phạm của hành vi đồng phạm của một tội cụ thể khác.

Ví dụ: Bị cáo A là nhân viên chi cục Hải quan nhận tiền của B để B buôn lậu hàng hóa với số lượng lớn. Trong trường hợp này, hành vi của bị cáo không chỉ thỏa mãn cấu thành tội phạm của tội nhận hối lộ (điều 279) mà còn thỏa mãn dấu hiệu hành vi đồng phạm của tội buôn lậu (điều 153). Nói chung và đối với thực tiễn áp dụng pháp luật nói riêng thì cần phân biệt trường hợp phạm nhiều tội với tội kéo dài, tội liên tục và phạm tội nhiều lần. Tội kéo dài là trường hợp về bản chất hành vi phạm tội kéo dài từ lúc bắt đầu được thực hiện và chỉ kết thúc khi tội phạm bị phát hiện bắt giữ hoặc người phạm tội chủ động kết thúc việc phạm tội đó. Tội liên tục là trường hợp người phạm tội thực hiện liên tục nhiều hành động phạm tội cùng tính chất đối với cùng một đối tượng và vì vậy chỉ cấu thành một tội phạm. Phạm tội nhiều lần là trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm tội cùng tính chất và cùng xâm phạm một khách thể và các hành vi có sự cách nhau một khoảng thời gian nhất định. Đồng thời cũng cần phân biệt phạm nhiều tội với trường hợp một hành vi vừa thỏa mãn cấu thành tội phạm của một tội cụ thể, vừa thỏa mãn tình tiết tăng nặng định khung của tội phạm khác. Ví dụ 1: Hành vi hành hung để tẩu thoát sau khi cướp giật tài sản đã gây thương tích cho người chủ tài sản. Trong trường hợp này, hành vi hành hung để tẩu thoát có dấu hiệu của tội Cố ý gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe cho người khác theo điều 104, vừa thỏa mãn tình tiết tăng nặng tại điểm đ khoản 2 điều 136 tội Cướp giật tài sản.

Việc xác định "*phạm nhiều tội*" mang nhiều ý nghĩa trong việc định tội danh, quyết định hình phạt và tổng hợp hình phạt. Nếu không phân biệt được người phạm tội phạm một tội hay nhiều tội thì sẽ dẫn đến định tội danh sai, định tội danh sai dẫn đến quyết định hình phạt sai, quyết định hình phạt sai dẫn đến tổng hợp hình phạt

sai. Vì vậy, khi quyết định hình phạt Tòa án cần chú ý đến trường hợp này để tránh những sai sót đáng tiếc có thể xảy ra.

Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là trường hợp trước khi tổng hợp và quyết định hình phạt chung cho các tội thì Tòa án phải quyết định hình phạt cho từng tội theo quy định của pháp luật hình sự. Việc tổng hợp này có ý nghĩa sau:

Một là, việc tuyên hình phạt cho từng tội theo nguyên tắc của luật hình sự đảm bảo cho hình phạt được tuyên tương xứng với từng tội bị cáo đã thực hiện. Do vậy, việc tổng hợp hình phạt thành hình phạt chung thì hình phạt đó là hình phạt xứng đáng mà bị cáo phải chấp hành nhằm đảm bảo được mục đích của hình phạt.

Hai là, việc quyết định hình phạt cho từng tội là tiền đề để tổng hợp hình phạt. Có thể nói, việc quyết định hình phạt cho từng tội đúng là nền tảng, là cơ sở để Tòa án tổng hợp đúng.

Ba là, việc quyết định hình phạt cho từng tội giúp quá trình phát hiện sai sót (nếu có) của Tòa án cấp trên khi xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Bên cạnh đó, nó cũng là cơ sở để xem xét việc áp dụng các chế định khác như chế định Tái phạm, Tái phạm nguy hiểm... trong các bản án, quyết định của Tòa án. Điều này, là cơ sở cho việc tổng kết thực tiễn của Tòa cấp trên, qua đó Tòa án cấp trên có hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời áp dụng thống nhất các quy định pháp luật đối với Tòa cấp dưới. Như trên đã phân tích, việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là việc trước khi tuyên hình phạt chung, Tòa án phải tuyên hình phạt riêng cho từng tội. Hình phạt chung không được vượt quá giới hạn luật quy định đối với từng loại hình phạt theo quy định của điều 50 BLHS. Hình phạt chung này mang tính chất đánh giá khách quan, toàn diện và đầy đủ đối với tất cả các tội mà bị cáo đã thực hiện nên mức phạt phải tương xứng với toàn bộ các tội mà bị cáo đã phạm. Do vậy, để đạt được mục đích chung của hình phạt, việc tổng hợp hình phạt chung phải được tổng hợp khách quan, đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

** Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án (điều 51)*

Tổng hợp hình phạt trong trường hợp một người phạm nhiều tội, trong nhiều trường hợp các tội này đều cùng được phát hiện và đưa ra xét xử cùng một thời điểm, tuy nhiên cũng có nhiều trường hợp tội phạm được phát hiện và đưa ra xét xử

ở những thời điểm khác nhau. Trong trường hợp tội phạm được đưa ra xét xử ở những thời điểm khác nhau thì có ba dạng:

- Dạng thứ nhất, người phạm tội đang chấp hành hình phạt của bản án có hiệu lực pháp luật thì họ bị đưa ra xét xử về một tội đã phạm trước khi có bản án này;

- Dạng thứ hai: Người phạm tội đang chấp hành một bản án có hiệu lực pháp luật lại phạm tội mới và bị đem ra xét xử;

- Dạng thứ ba: Người phạm tội được kết án bằng nhiều bản án có hiệu lực pháp luật nhưng các bản án này chưa được tổng hợp.

Các dạng nói trên là nội dung của vấn đề tổng hợp hình phạt của nhiều bản án được quy định của pháp luật hình sự.

Như vậy, *tổng hợp hình phạt của nhiều bản án là việc Tòa án quyết định cho người phạm tội một hình phạt chung trong trường hợp người đó bị tuyên nhiều hình phạt trong nhiều bản án khác nhau.*

Khi tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, Tòa án phải quyết định hình phạt chung cho bị cáo dựa trên cơ sở các bản án có khác nhau. Vì vậy, trong trường hợp này, để tuyên hình phạt cho từng bản án cụ thể, Tòa án vẫn phải tuân thủ các quy định chung về quyết định hình phạt theo BLHS, đồng thời khi quyết định hình phạt, Tòa án còn phải áp dụng các quy định riêng cho trường hợp này được quy định tại điều 51 BLHS.

** Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có liên quan đến án treo (điều 60)*

Án treo là một chế định đặc biệt trong luật hình sự. Trong lịch sử lập pháp hình sự nước ta, chế định án treo xuất hiện khá sớm và dần được hoàn thiện. Về bản chất pháp lý thì *"Án treo là miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện"*. Theo quy định tại điều 60 BLHS quy định tại khoản 1 và 5 thì: Khi xử phạt tù không quá 3 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 1 năm đến 5 năm. Đối với người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách, thì Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 51 của bộ luật này.

** Tổng hợp hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên phạm tội (điều 75)*

Người chưa thành niên phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định đó là tội phạm. Theo quy định tại điều 12 BLHS về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì chỉ những người chưa thành niên đủ 14 tuổi trở lên mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Người chưa thành niên là một chủ thể đặc biệt, vì vậy việc quyết định hình phạt nói chung và tổng hợp hình phạt nói riêng đối với người chưa thành niên cũng là một trường hợp đặc biệt. Tính chất đặc biệt ở chỗ, ngoài việc phải tuân thủ các quy định chung khi quyết định hình phạt hay tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, Tòa án còn phải căn cứ vào các quy định trong chương X Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, Tòa án phải tuân thủ nguyên tắc được quy định tại điều 69 BLHS. Cụ thể: *“Việc xử lý hành vi phạm tội của người chưa thành niên chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội”*. Đối với trường hợp người chưa thành niên phạm tội, việc tổng hợp hình phạt được quy định tại điều 75 Bộ luật hình sự,

1.1.2. Nguyên tắc Tổng hợp hình phạt

1.1.2.1. Nguyên tắc cộng hình phạt

Theo nguyên tắc cộng hình phạt thì có hai trường hợp, đó là: Nguyên tắc cộng toàn bộ và nguyên tắc cộng một phần.

a. Nguyên tắc cộng toàn bộ là nguyên tắc cho phép cộng toàn bộ các hình phạt thành hình phạt chung. Nguyên tắc này được áp dụng khi có thể và cần thiết phải cộng toàn bộ các hình phạt với nhau (hình phạt chung sau khi đã cộng không vượt giới hạn mà luật cho phép đối với loại hình phạt đó).

b. Nguyên tắc cộng một phần là nguyên tắc cho phép cộng hình phạt cao nhất với một phần hình phạt còn lại thành hình phạt chung. Nguyên tắc này được áp dụng khi, không thể cộng toàn bộ được vì mới cộng một phần với hình phạt nặng nhất đã đạt mức tối đa cho phép của loại hình phạt này.

Ví dụ: A bị Tòa án tuyên phạt 20 năm tù về tội Cướp tài sản theo khoản 3 điều 133 BLHS, 15 năm tù về tội Cướp giật tài sản theo khoản 4 điều 136. Trong trường hợp này, hình phạt chung mà bị cáo A phải chấp hành là 30 năm tù. Tổng cộng hình

phạt đúng ra A phải chịu mức tù là 35 năm, nhưng theo quy định của BLHS thì hình phạt chung không được quá 30 năm nên Tòa án chỉ có thể cộng 20 năm tù của tội Cướp tài sản với 10 năm tù của tội Cướp giết tài sản thì đã đạt mức tối đa cho phép là 30 năm (điểm a khoản 1 điều 50 BLHS)

1.1.2.2. Nguyên tắc thu hút hình phạt

Theo nguyên tắc thu hút, hình phạt chung là hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên. Nguyên tắc này được áp dụng trong trường hợp không thể cộng hết các hình phạt lại với nhau, do có một trong các hình phạt đã tuyên là hình phạt nặng nhất trong hệ thống hình phạt, hay do các hình phạt không thể cùng chấp hành. Ví dụ: Bị cáo B phạm tội Hiếp dâm và tội Giết người. Tòa án tuyên tử hình đối với tội Giết người và 10 năm tù với tội Hiếp dâm. Hình phạt chung trong trường hợp này là tử hình. Ví dụ khác: Bị cáo C phạm tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác và tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản. Tòa án tuyên hình phạt tù chung thân đối với tội “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác*” và 5 năm tù với tội “*Huỷ hoại hoặc Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Trong trường hợp này, hình phạt chung là tù chung thân. (điểm c khoản 1 điều 50 BLHS).

1.1.2.3 Nguyên tắc cùng tồn tại

Nguyên tắc cùng tồn tại được áp dụng khi không áp dụng được hai nguyên tắc trên. Tổng hợp hình phạt theo nguyên tắc này sẽ không có hình phạt chung cho tất cả các tội mà chỉ có việc phải chấp hành đồng thời các hình phạt. Ví dụ: Bị cáo D phạm tội Buôn lậu và tội Chống người thi hành công vụ. Tòa án tuyên phạt 50 triệu đồng về tội “*Buôn lậu*” và phạt 3 năm tù về “*tội Chống người thi hành công vụ*”. Trường hợp này bị cáo phải chấp hành đồng thời cả hai hình phạt trên.

Tóm lại, tổng hợp hình phạt là một trường hợp đặc biệt của hoạt động quyết định hình phạt. Khi tổng hợp hình phạt, Tòa án trước hết phải áp dụng các quy định chung đối với quyết định hình phạt sau đó còn phải áp dụng quy định riêng đối với trường hợp này theo quy định của pháp luật. Việc tổng hợp hình phạt phải tuân thủ những nguyên tắc và cách thức nhất định. Theo pháp luật hiện hành, có ba nguyên tắc tổng hợp hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội. Đó là các nguyên tắc: Nguyên tắc thu hút, nguyên tắc cộng hình phạt, nguyên tắc cùng tồn tại. Mỗi

nguyên tắc đều có cách thức tổng hợp riêng. Vì vậy, để tổng hợp hình phạt đúng đòi hỏi cán bộ xét xử phải hiểu đúng và áp dụng thống nhất các nguyên tắc này theo quy định tại điều 50 BLHS năm 1999.

1.1.3. Ý nghĩa của Tổng hợp hình phạt

Ý nghĩa thứ nhất, tổng hợp hình phạt đúng sẽ góp phần đạt được mục đích và nâng cao hiệu quả của hình phạt. Có thể nói, hiệu quả của hình phạt là mức độ đạt được khi áp dụng hình phạt đối với người bị kết án, hiệu quả hình phạt càng cao thì kết quả đạt được trong thực tế càng gần với mục đích của hình phạt. Nếu hình phạt được tuyên không đúng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thì người phạm tội không thấy được tính đúng đắn của bản án vì vậy không tích cực cải tạo để trở thành công dân tốt cũng như không tạo được niềm tin trong nhân dân về tính nghiêm minh của pháp luật. Do hình phạt chung được tuyên trên cơ sở tổng hợp hình phạt của từng tội và trong giới hạn của luật cho phép đối với từng loại hình phạt nên nó cần phải được đánh giá đầy đủ, toàn diện nhất của Nhà nước đối với tất cả các tội mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội và tương xứng với các tội mà bị cáo đã thực hiện. Nếu hình phạt chung được tổng hợp không đúng sẽ làm mất tác dụng của hoạt động quyết định hình phạt đối với từng tội và sẽ dẫn đến mục đích của hình phạt không đạt được. Do vậy, Tổng hợp hình phạt chính xác có vai trò rất lớn trong việc nâng cao hiệu quả của việc áp dụng hình phạt

Ý nghĩa thứ hai, Tổng hợp hình phạt đúng là góp phần củng cố pháp chế và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa. Để Tổng hợp hình phạt đúng, Tòa án trước tiên phải quyết định hình phạt đúng. Để quyết định hình phạt đúng, Tòa án phải nhận thức đúng và tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quyết định hình phạt cũng như các quy định có liên quan. Mặt khác, hình phạt tổng hợp có tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của các hành vi phạm tội thì mới có tính thuyết phục, người bị kết án nhận thấy tính chất sai trái của hành vi cũng như sự cần thiết của bản án đã tuyên, từ đó họ sẽ tự giác chấp hành hình phạt. Bên cạnh đó, một hình phạt tổng hợp thỏa đáng sẽ có tính chất phòng ngừa chung để họ tuân thủ pháp luật cũng như nâng cao ý thức pháp luật, khuyến khích quần chúng nhân dân tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Ý nghĩa thứ ba, việc Tổng hợp hình phạt đúng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thi hành án hình sự thực thi nhiệm vụ, góp phần tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Trong thực tế, nhiều khi người bị kết án phải chịu nhiều hình phạt nhưng các hình phạt lại không được tổng hợp, do vậy có nhiều bản án có hiệu lực nhưng phần hình phạt lại chưa được chấp hành. Điều này sẽ dẫn đến tình trạng coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Ý nghĩa thứ tư, việc Tổng hợp hình phạt đúng còn là sự đảm bảo nguyên tắc công bằng trong luật hình sự nói riêng và công bằng trong xã hội nói chung. Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự là một người thực hiện nhiều tội phạm thì phải chịu nhiều hình phạt. Công bằng trong xã hội là người phạm tội phải bị trừng trị, người phạm nhiều tội phải bị trừng trị nhiều hình phạt hơn người phạm một tội.

1.2. Quy định của pháp luật về Tổng hợp hình phạt

Nhìn lại lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam ta có thể thấy, tổng hợp hình phạt là một quy định pháp luật hình sự ra đời từ rất sớm. Cùng với sự phát triển của đất nước, pháp luật hình sự của nước ta cũng có những thay đổi, bổ sung để kịp thời điều chỉnh những quan hệ xã hội mới. Trong bối cảnh đó, là một quy định khá quan trọng trong Luật hình sự nên quy định tổng hợp hình phạt cũng đã được dần hoàn thiện để đáp ứng đòi hỏi của xã hội.

1.2.1. Quy định về Tổng hợp hình phạt giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985

Trong giai đoạn này, nhìn chung quy định tổng hợp hình phạt chưa được quy định trong các văn bản pháp luật mà mới chỉ được đề cập đến trong các bản Báo cáo tổng kết công tác của ngành Tòa án và các Công văn của TANDTC hướng dẫn các Tòa án địa phương việc xét xử.

Trường hợp thứ nhất: Trường hợp phạm nhiều tội. Trước khi ban hành BLHS năm 1985, pháp luật hình sự nước ta chưa có quy định cụ thể về tổng hợp hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội, nên vào những thời điểm khác nhau, việc tổng hợp hình phạt được các Tòa án thực hiện với nhiều cách thức không thống nhất.

Theo Báo cáo công tác ngành Tòa án năm 1964, việc quyết định hình phạt đối

với trường hợp phạm nhiều tội, có Tòa án đã phân tích, nhận định trong bản án phạm nhiều tội nhưng lại không tuyên hình phạt riêng cho từng tội mà chỉ quyết định hình phạt chung cho tất cả các tội được phân tích; có Tòa án quyết định hình phạt cụ thể cho mỗi tội rồi tổng hợp thành hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành, thậm chí có Tòa đã quyết định hình phạt chung cho bị cáo thấp hơn hình phạt đã tuyên cho tội nặng nhất trong các tội mà bị cáo đã phạm. Hoặc trường hợp một người có nhiều hành vi cấu thành nhiều tội hoặc có một hành vi cấu thành nhiều tội thì các Tòa án cũng có đường lối xử lý khác nhau trong việc xử bị cáo về một tội hay nhiều tội, từ đó quyết định hình phạt cũng khác nhau. Việc quyết định hình phạt chung cho các tội cũng được thực hiện bằng nhiều cách khác nhau như thu hút hình phạt nhẹ vào hình phạt nặng hoặc cộng tất cả các hình phạt đã tuyên cho từng tội lại, hoặc cộng thêm vào hình phạt nặng nhất một phần của các hình phạt đã tuyên [36, tr.139-140].

Để khắc phục tình trạng trên, trong Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1964, sau khi chỉ ra những thiếu sót mà các Tòa án địa phương cần khắc phục, Hội đồng thẩm phán TANDTC đã hướng dẫn các Tòa án cách thức định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội. Cụ thể:

Đối với trường hợp bị cáo phạm nhiều tội, khi xét xử nói chung trong những trường hợp thấy cần thiết và có thể, Tòa án nên phân tích, kết luận rõ đối với từng hành vi phạm tội và quyết định hình phạt cho từng hành vi rồi mới quyết định hình phạt chung, bắt bị cáo phải chấp hành. Nhưng cũng cần chú ý rằng, đối với những trường hợp tuy bị cáo có nhiều hành vi, nhưng mỗi hành vi cũng cấu thành một tội phạm hình sự, nhưng xét thấy việc xét xử về nhiều tội là không cần thiết thì không máy móc phải xử phạt hết các tội và xử tổng hợp nhiều tội [36, tr.142 -143].

Báo cáo tổng kết ngành tòa án năm 1964 còn nêu ra hai phương pháp tổng hợp hình phạt. Đó là phương pháp cộng hình phạt và thu hút hình phạt với phạm vi áp dụng khác nhau. Tuy nhiên, Báo cáo tổng kết năm 1964 còn có một số hạn chế như, một số nội dung hướng dẫn còn chung chung, chưa rõ ràng, dứt khoát.

Ví dụ như hướng dẫn: "Trong trường hợp xử bị can về nhiều tội, cần tuyên cho mỗi tội một hình phạt tương ứng rồi quyết định một hình phạt tổng hợp bắt bị

can phải chấp hành. Không nên chỉ tuyên một hình phạt chung cho nhiều tội". Ở đây, hướng dẫn đã dùng từ "không nên" thể hiện sự chưa dứt khoát trong việc hướng dẫn các Tòa án cấp dưới quyết định hình phạt.

Tuy có hướng dẫn trên, nhưng thực tế áp dụng quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội vẫn còn chưa thống nhất, vẫn còn mắc sai sót về vấn đề tổng hợp hình phạt và lúng túng trong cách tuyên bố việc tổng hợp hình phạt. Nhằm khắc phục các tình trạng đó, ngày 14/9/1973 TANDTC đã ra Công văn số 612 hướng dẫn các Tòa án địa phương tổng hợp hình phạt, trong đó có chỉ rõ thể nào là trường hợp cộng một phần, cộng toàn bộ và thu hút hình phạt [36, tr.145-148]. Cụ thể:

1. Cộng một phần có nghĩa là cho phép cộng hình phạt cao nhất với một phần hình phạt còn lại thành hình phạt chung. Nguyên tắc này được áp dụng khi, không thể cộng toàn bộ được vì mới cộng một phần với hình phạt nặng nhất đã đạt mức tối đa cho phép của loại hình phạt này.

2. Cộng toàn bộ có nghĩa là cho phép cộng toàn bộ các hình phạt thành hình phạt chung. Nguyên tắc này được áp dụng khi có thể và cần thiết phải cộng toàn bộ các hình phạt với nhau (hình phạt chung sau khi đã cộng không vượt giới hạn mà luật cho phép đối với loại hình phạt đó).

Trường hợp thứ hai: Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án. Trong giai đoạn này, về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, trong Báo cáo tổng kết công tác của TANDTC năm 1964 đã nêu ra hai trường hợp với cách thức tổng hợp có nhiều điểm tương đồng với các quy định hiện hành của BLHS. Cụ thể:

1. Trường hợp bị cáo đang chấp hành hình phạt tù (chưa hết thời hạn) lại bị đưa ra xét xử về một tội phạm khác mà y phạm phải trước khi hoặc trong khi bị phạt tù. Đối với trường hợp này, trừ khi bị can bị xử tử hình hoặc tù chung thân, chúng ta cũng có hai cách giải quyết:

Cách thứ nhất: Nếu tội phạm xảy ra từ trước nay mới phát hiện và mới đưa ra xét xử, thì sau khi tuyên hình phạt cho tội mới đưa ra xét xử, trên cơ sở hình phạt đã tuyên trong bản án trước và hình phạt mới tuyên, Tòa án nên quyết định theo chủ trương xét xử tổng hợp nói trên, một hình phạt tổng hợp bắt bị can phải chấp hành rồi trừ đi thời gian đã chấp hành, còn lại bắt bị can phải chấp hành tiếp.

Cách thứ 2: Nếu là tội xảy ra trong thời gian đang ở tù thì sau khi tuyên phạt cho tội mới, trên cơ sở phần còn lại của hình phạt cũ và hình phạt mới, Tòa án quyết định một hình phạt bắt bị can phải chấp hành tiếp, không tính thời gian đã chấp hành hình phạt cũ vào đó [36, tr.141-142].

Tuy nhiên, hạn chế của hướng dẫn trường hợp tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án vẫn còn sự chưa rõ ràng, chưa bao quát hết được các trường hợp tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.

Tiếp theo trong Công văn số 612/NCPL ngày 14/9/1973 của TANDTC về việc các bản án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm, quy định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án được hướng dẫn đầy đủ hơn các Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án trước đó. Theo đó thì tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án được chia làm hai loại, đó là: Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án lại bị xét xử về một tội đã phạm trước khi có bản án này và trường hợp một người đang chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới. Ở trường hợp thứ nhất, thời hạn thi hành hình phạt chung được tính từ ngày bị cáo bắt đầu chấp hành hình phạt của bản án trước. Trường hợp thứ hai, thời hạn thi hành hình phạt chung được tính từ ngày tuyên hình phạt chung. Như vậy, cách tính thời hạn chấp hành hình phạt chung nói trên đã thể hiện được thái độ nghiêm khắc hơn của nhà nước đối với những người đang phải chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, không tích cực lao động, cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trường hợp thứ ba: Tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội. Trong thời gian từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến năm 1975, chưa có văn bản pháp luật hình sự nào chính thức quy định nguyên tắc xử lý, quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội mà vấn đề này cũng mới chỉ được đề cập tới trong các Báo cáo tổng kết công tác ngành tòa án của TANDTC. Nhìn chung, người chưa thành niên phạm tội được xử lý nhẹ hơn so với người đã thành niên.

Từ sau giải phóng miền Nam đến trước khi có BLHS năm 1985, TANDTC đã ra Chuyên đề sơ kết kinh nghiệm xét xử các vụ án về người chưa thành niên phạm tội (kèm theo Công văn số 37/NCPL ngày 16/1/1976). Nội dung của bản sơ kết này

đầy đủ hơn, chi tiết hơn so với những Báo cáo tổng kết trước đó. Tại Bản sơ kết đã quy định khá rõ độ tuổi, mức phạt, nguyên tắc xử lý giữa đối tượng từ 13 đến 14 tuổi, từ 14 đến 15 tuổi và từ 16 đến 17 tuổi trên cơ sở căn cứ vào đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi này cũng như yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, vấn đề tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên trong trường hợp có tội thực hiện trước và có tội thực hiện sau khi đủ 18 tuổi lại chỉ được đề cập đến khá sơ lược.

Trường hợp thứ tư: Tổng hợp hình phạt trong các trường hợp có liên quan đến án treo. Ở nước ta, chế độ án treo được quy định khá sớm. Nó ra đời và gắn liền với sự ra đời của pháp luật hình sự Việt Nam. Án treo đã được quy định trong một số sắc lệnh như: Sắc lệnh số 33C/SL (quy định tại điều IV); Sắc lệnh số 21/SL ngày 14/2/1946. Trong các văn bản này đã quy định về hình phạt được hưởng án treo, điều kiện hưởng, thời gian thử thách, xóa án tích.

Trước khi có BLHS, vấn đề tổng hợp hình phạt trong trường hợp người được hưởng án treo lại phạm tội mới trong thời gian thử thách được quy định tại điều 10 Sắc lệnh số 21/SL ngày 14/2/1946: "Nếu trong 5 năm ấy, tội nhân bị kết án một lần nữa trước một Tòa án quân sự thì bản án treo sẽ đem thi hành". Cụ thể: Khi tội phạm mới bị đưa ra xét xử, không bị phạt tù, người phạm tội đồng thời phải chấp hành hai bản án (nguyên tắc cùng tồn tại). Nếu tội phạm mới bị xử phạt tù thì phải tổng hợp với hình phạt của bản án cũ.

Tiếp đó, đến hướng dẫn tại Thông tư số 2308/NCPL ngày 01/12/1961 thì việc tổng hợp hình phạt đối với người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách đã có những sự thay đổi căn bản: "Nếu trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo lại phạm tội mới cùng tính chất hoặc nặng hơn tội cũ, Tòa án sẽ cộng một phần hay toàn bộ hình phạt cũ vào hình phạt mới để chấp hành" [36, tr.125].

Quan niệm trong văn bản hướng dẫn này là nếu người bị phạt tù nhưng được hưởng án treo song trong thời gian thử thách lại phạm tội mới cùng tính chất hoặc phạm tội mới nặng hơn, chứng tỏ là người phạm tội mặc dù được giáo dục nhưng không tiếp thu sự giáo dục, không chịu cải tạo để trở thành người lương thiện. Do đó, trong những trường hợp này, Tòa án mới bắt phải chấp hành một phần hoặc toàn bộ

hình phạt của bản án cũ. Quyết định bắt chấp hành một phần hay toàn bộ hình phạt của bản án cũ là tùy thuộc từng trường hợp "linh hoạt" của Tòa án. Tuy nhiên, đối với can phạm rõ ràng là không chịu sửa chữa, cố tình coi thường pháp luật thì phải cộng toàn bộ án cũ vào án mới.

Đối chiếu với Sắc lệnh số 21/SL ngày 14/2/1946 thì sự hướng dẫn trên của TANDTC là không phù hợp với quy định về hậu quả pháp lý của việc phạm tội trong thời gian thử thách của án treo tại điều 10 của Sắc lệnh số 21/SL. Tuy vậy, văn bản hướng dẫn này vẫn tồn tại trong suốt quá trình xét xử của Tòa án trước khi BLHS năm 1985 được ban hành. Chúng tôi cho rằng, điều 10 Sắc lệnh số 21/SL quy định bắt chấp hành toàn bộ hình phạt của bản án cũ khi người bị án treo phạm bất kỳ tội mới nào trong thời gian thử thách là phù hợp với yêu cầu phòng ngừa tội phạm của chế định án treo trong thời gian đó.

1.2.2. Quy định về Tổng hợp hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 1985

Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời, đánh dấu bước ngoặt phát triển của lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, cũng do đây là BLHS đầu tiên nên xét về mặt kỹ thuật lập pháp còn có nhiều hạn chế, trong đó, có những hạn chế khi quy định về tổng hợp hình phạt. Cụ thể:

Đối với vấn đề Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Trong BLHS năm 1985, lần đầu tiên trong lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam, việc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đã được quy định tại điều 41: "Khi xét xử cùng một lần người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó quyết định hình phạt chung cho các tội. Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội nặng nhất đã phạm và trong phạm vi loại hình phạt đã tuyên" [27]. Quy định "Khi xét xử cùng một lần người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó quyết định hình phạt chung cho các tội" đã khắc phục được nhược điểm thiếu nhất quán trong thực tiễn xét xử thời gian trước đó và đánh dấu sự trưởng thành về mặt kỹ thuật lập pháp hình sự nước ta.

Để hướng dẫn áp dụng thống nhất điều luật này, TANDTC đã ra Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 về việc hướng dẫn cách thức tổng hợp hình phạt

trong trường hợp phạm nhiều tội, cụ thể:

Việc quyết định hình phạt chung trong trường hợp phạm nhiều tội có thể thực hiện bằng hai cách: Thu hút hình phạt nhẹ vào hình phạt nặng nhất hoặc cộng toàn bộ hình phạt đã tuyên về từng tội hay là cộng vào hình phạt nặng nhất một phần các hình phạt đã tuyên [37].

Mặc dù, tại Công văn 612 ngày 14/9/1973 của TANDTC đã quy định trường hợp cộng một phần, cộng toàn bộ và thu hút hình phạt nhưng tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của TANDTC lại chưa hướng dẫn rõ trường hợp nào được cộng một phần, trường hợp nào được cộng toàn bộ và trường hợp nào thì thu hút hình phạt dẫn đến việc áp dụng không thống nhất trong việc tổng hợp hình phạt của Tòa án các địa phương. Do đó, Hội đồng thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 về việc hướng dẫn cụ thể việc quyết định hình phạt chung đối với người phạm tội như sau:

1. Về nguyên tắc cộng hình phạt tòa án tuyên đối với các tội phạm của bị cáo thành hình phạt chung, nếu hình phạt chung không vượt quá mức cao nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với tội nặng nhất.

2. Nếu cộng tất cả các hình phạt đã tuyên đối với các tội phạm mà vượt mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội nặng nhất thì hình phạt chung phải là mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội nặng nhất mà không thể thấp hơn hoặc cao hơn.

3. Trong trường hợp các tội của bị cáo đều bị xử phạt theo khung hình phạt có mức cao nhất giống nhau thì hình phạt chung không được vượt quá mức cao nhất của khung hình phạt chung đó, việc quyết định hình phạt chung cũng theo hướng dẫn ở điểm 1 và điểm 2 nói trên [38].

Tuy việc áp dụng Nghị quyết số 02 ngày 05/01/1986 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 của TANDTC để tổng hợp hình phạt theo điều 41 BLHS năm 1985 vẫn tồn tại điều bất hợp lý, điều 41 quy định: "Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội nặng nhất đã phạm và trong phạm vi loại hình phạt đã tuyên" [27]. Quy định này đã hạn chế sự nghiêm khắc của pháp luật đối với những kẻ phạm nhiều tội và cũng chưa đánh giá hết tính chất, mức độ nguy hiểm của các tội trong trường hợp phạm nhiều tội.

Để khắc phục nhược điểm này, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/12/1989 đã sửa đổi theo hướng chặt chẽ hơn, hạn chế tình trạng tùy tiện trong việc áp dụng. Cụ thể: "Khi xét xử cùng một lần người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó quyết định hình phạt cho các tội. Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của loại hình phạt đã tuyên". Tuy nhiên, BLHS 1985 không quy định cách thức tổng hợp hình phạt, do đó gây ra những vướng mắc khi áp dụng pháp luật, nhất là trong trường hợp phải tổng hợp các hình phạt khác loại.

Đối với vấn đề Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án. Theo BLHS năm 1985, Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án được quy định tại điều 42. Theo điều 42, tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án bao gồm hai trường hợp với nguyên tắc tổng hợp hình phạt như sau:

Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về một tội đã phạm trước khi có bản án này thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của khung hình phạt mà luật quy định đối với tội nặng nhất đã phạm và trong phạm vi loại hình phạt đã tuyên (khoản 1).

Trường hợp một người đang chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó cộng với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước thành hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất mà luật quy định cho loại hình phạt đã tuyên (khoản 2).

Quy định này đã thể hiện rõ sự phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội mới trong thời gian thi hành, thể hiện thái độ nghiêm khắc hơn của Nhà nước trong việc xử lý những người này vì họ không chịu tích cực lao động, cải tạo để trở thành công dân tốt cho xã hội.

Ngày 05/01/1986, Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết số 02/HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS, trong đó có hướng dẫn phương pháp tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án quy định tại điều 42 BLHS. Hướng dẫn về quy định này đã nhấn mạnh khi tổng hợp hình phạt trong

trường hợp này chỉ tổng hợp hình phạt trong phạm vi loại hình phạt đã tuyên, nếu là hình phạt khác loại thì tổng hợp theo điều 43 BLHS.

Nhìn vào quy định của khoản 1 điều 42, có thể nhận thấy sự bất hợp lý trong việc quy định "hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của khung hình phạt mà luật quy định đối với tội nặng nhất đã phạm và trong phạm vi loại hình phạt đã tuyên". Với quy định trên, người phạm nhiều tội cũng có thể chỉ bị xử phạt như người phạm một tội. Điều này là sự vi phạm nguyên tắc công bằng trong luật hình sự nói chung và trong tổng hợp hình phạt nói riêng. Và thực tiễn xét xử đã chứng minh trong một số trường hợp, hình phạt chung mà Tòa án tổng hợp không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của các tội phạm mà bị cáo đã thực hiện.

Vì vậy, khoản 1 điều 42 đã được Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS ngày 28/12/1989 sửa đổi như sau:

Trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này thì Tòa án quyết định hình phạt đối với nội dung đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của loại hình phạt đã tuyên. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung [28].

Việc sửa đổi này đã đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn xét xử, góp phần có hiệu quả hơn trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, nếu quy định như trên thì hình phạt chung cao nhất đối với hình phạt tù chỉ có thể là 20 năm, trong khi đó người phạm một tội cũng có thể bị tuyên đến 20 năm tù. Do vậy, có ý kiến đã đề xuất hình phạt chung đối với hình phạt tù có thời hạn nên cao hơn [32].

Trong lần sửa đổi, bổ sung này, các nhà làm luật chưa dự liệu được hết các trường hợp, do đó, có trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án có hiệu lực pháp luật nhưng các bản án này chưa được tổng hợp theo quy định của khoản 1 và khoản 2 điều 42. Nếu Tòa án không tổng hợp các hình phạt của các bản án này thành hình phạt chung thì có thể dẫn đến tình trạng bỏ sót bản án không đem ra thi hành. Đây cũng là lý do trong lần sửa đổi thứ hai BLHS năm 1985 (có hiệu lực ngày 16/8/1991) các nhà làm luật đã bổ sung khoản 3 điều 42 để tổng hợp hình phạt

trong trường hợp này như sau:

Trong trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp theo quy định ở khoản 1 và khoản 2 điều này thì Tòa án ra quyết định tổng hợp các hình phạt của các bản án. Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất mà luật quy định cho loại hình phạt đã tuyên [29].

Đối với vấn đề Tổng hợp hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội. Trong BLHS năm 1985, người chưa thành niên được hiểu là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi. Việc quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại chương VII. Vấn đề tổng hợp hình phạt được quy định tại điều 65 BLHS. Theo điều 65 thì trong trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội có tội thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội thực hiện sau khi đủ 18 tuổi thì việc tổng hợp hình phạt được áp dụng như sau:

Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì hình phạt chung không được vượt mức hình phạt cao nhất quy định ở điều 64.

Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi thì hình phạt chung được áp dụng như đối với người đã thành niên phạm tội.

So sánh với giai đoạn trước, quy định về tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội đã rõ ràng, chi tiết hơn nhưng cũng chưa thật hoàn thiện.

Đối với vấn đề Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có liên quan đến án treo. Vấn đề này được quy định tại điều 44 khoản 5 BLHS năm 1985: "*Nếu trong thời gian thử thách người bị án treo lại phạm tội mới và bị phạt tù thì Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định ở khoản 2 điều 42*" [27]. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, các Tòa án đã hiểu và vận dụng không thống nhất quy định này, nhiều khi tổng hợp chưa đúng với quy định của pháp luật. Từ thực tế trên, TANDTC đã ra Thông tư số 01/NCPL ngày 6/4/1988 hướng dẫn bổ sung về án treo. Thông tư này đã hướng dẫn cụ thể việc áp dụng nguyên tắc nào để quyết định hình phạt chung và cách trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Tóm lại, trong BLHS Việt Nam năm 1985 quy định Tổng hợp hình phạt đã

được quy định chi tiết hơn giai đoạn trước khi có bộ luật nhưng các quy định đó cũng chưa được hoàn thiện về kỹ thuật lập pháp. Mặt khác, có một số quy định đã được sửa đổi nhưng không kế thừa được những quy định hợp lý của giai đoạn trước, do vậy, đã dẫn đến nhiều vướng mắc trong quá trình áp dụng. Đây cũng là một nguyên nhân đòi hỏi sự bổ sung cần thiết trong BLHS mới - BLHS năm 1999.

1.2.3. Quy định về Tổng hợp hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 1999

Điều 50 BLHS năm 1999 quy định rõ việc tổng hợp hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội như sau:

Nếu các hình phạt đã tuyên là cải tạo không giam giữ hoặc cùng là tù có thời hạn, thì các hình phạt đó được cộng lại thành hình phạt chung; hình phạt chung không được vượt qua 3 năm đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, ba mươi năm đối với hình phạt tù có thời hạn.

Nếu hình phạt đã tuyên là cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn thì hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ ba ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành một ngày tù để tổng hợp thành hình phạt chung theo quy định tại điểm a khoản 1 điều này.

Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là chung thân thì hình phạt chung là tù chung thân.

Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt chung là tử hình.

Phạt tiền không tổng hợp với các loại hình phạt khác; các khoản tiền phạt được cộng thành hình phạt chung.

Trục xuất không tổng hợp cùng các hình phạt khác.

Hình phạt bổ sung là những biện pháp quan trọng bảo đảm hiệu quả công tác phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng, đồng thời tạo điều kiện cho việc thực hiện các nguyên tắc cá thể hóa hình phạt đối với người phạm tội. Hình phạt bổ sung chỉ có thể áp dụng kèm theo hình phạt chính và phải phù hợp với đặc điểm của tội phạm và nhân thân cũng như hoàn cảnh của bị cáo. Điều đó có nghĩa là cơ sở để Tòa án quyết định hình phạt bổ sung cho bị cáo là: 1) Đối với tội đã phạm luật có quy định hình phạt chung; 2) Tòa án thấy có thể áp dụng hình phạt bổ sung đối với

bị cáo (trừ những trường hợp bắt buộc do luật quy định). Vì vậy, khi đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng tội phạm cũng như nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo, Tòa án quyết định hình phạt chính cho từng tội, đồng thời quyết định hình phạt bổ sung cho từng tội đó (nếu có).

Bộ luật hình sự nước ta quy định rõ việc tổng hợp hình phạt bổ sung đối với trường hợp phạm nhiều tội ở khoản 2 điều 50 như sau :

a) Nếu hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do bộ luật này quy định đối với loại hình phạt đó; riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;

b) Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên. [52, tr.425-426]

Quy định của BLHS về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội bao gồm các nguyên tắc và cách thức sau:

Về cách thức tổng hợp, trong trường hợp phạm nhiều tội, trước khi tổng hợp và quyết định hình phạt chung cho các tội thì Tòa án phải quyết định hình phạt cho từng tội. Sau khi tuyên hình phạt riêng cho từng tội, Tòa án sẽ quyết định và tuyên hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt quá giới hạn luật quy định đối với từng loại hình phạt. Hình phạt chung là sự đánh giá toàn diện và đầy đủ nhất đối với tất cả các hành vi nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo đã thực hiện do đó mức phạt phải tương xứng với toàn bộ các tội mà bị cáo đã phạm. Nếu hình phạt chung được tổng hợp không đúng sẽ làm mất ý nghĩa của việc quyết định hình phạt đối với từng tội và do vậy sẽ không đạt được mục đích của hình phạt. Việc tổng hợp hình phạt phải tuân thủ theo những nguyên tắc nhất định. Đó là nguyên tắc thu hút, nguyên tắc cộng hình phạt và nguyên tắc cùng tồn tại.

Nguyên tắc cộng hình phạt có hai trường hợp: nguyên tắc cộng toàn bộ và nguyên tắc cộng một phần. Nguyên tắc cộng toàn bộ là nguyên tắc cho phép cộng toàn bộ các hình phạt thành hình phạt chung. Nguyên tắc này được áp dụng khi có thể và cần thiết phải cộng toàn bộ các hình phạt với nhau (hình phạt chung sau khi đã cộng không vượt giới hạn mà luật cho phép đối với loại hình phạt đó). Nguyên tắc cộng một phần là nguyên tắc cho phép cộng hình phạt cao nhất với một phần

hình phạt còn lại thành hình phạt chung. Nguyên tắc này được áp dụng khi, không thể cộng toàn bộ được vì mới cộng một phần với hình phạt nặng nhất đã đạt mức tối đa cho phép của loại hình phạt này. Ví dụ: A bị Tòa án tuyên phạt 20 năm tù về tội Cướp tài sản theo khoản 3 điều 133 BLHS, 15 năm tù về tội Cướp giết tài sản theo khoản 4 điều 136. Trong trường hợp này, hình phạt chung mà bị cáo A phải chấp hành là 30 năm tù. Tổng cộng hình phạt đúng ra A phải chịu mức tù là 35 năm nhưng vì hình phạt chung không được quá 30 năm nên Tòa án chỉ có thể cộng 20 năm tù của tội Cướp tài sản với 10 năm tù của tội Cướp giết tài sản thì đã đạt mức tối đa cho phép là 30 năm.

Về nguyên tắc thu hút, theo nguyên tắc thu hút, hình phạt chung là hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên. Nguyên tắc này được áp dụng trong trường hợp không thể cộng hết các hình phạt lại với nhau do có một trong các hình phạt đã tuyên là hình phạt nặng nhất trong hệ thống hình phạt hay do các hình phạt không thể cùng chấp hành. Ví dụ: Bị cáo B phạm tội Hiếp dâm và tội Giết người, Tòa án tuyên tử hình đối với tội Giết người và 10 năm tù với tội Hiếp dâm. Hình phạt chung trong trường hợp này là tử hình. Ví dụ khác: Bị cáo C phạm tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác và tội Huỷ hoại hoặc Cố ý làm hư hỏng tài sản, Tòa án tuyên hình phạt tù chung thân đối với tội “*Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác*” và 5 năm tù với tội “*Huỷ hoại hoặc Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Trong trường hợp này, hình phạt chung là tù chung thân.

Về nguyên tắc cùng tồn tại, nguyên tắc cùng tồn tại được áp dụng khi không áp dụng được hai nguyên tắc trên. Tổng hợp hình phạt theo nguyên tắc này sẽ không có hình phạt chung cho tất cả các tội mà chỉ có việc phải chấp hành đồng thời các hình phạt. Ví dụ: Bị cáo D phạm tội Buôn lậu và tội Chống người thi hành công vụ, Tòa án tuyên phạt 50 triệu đồng về tội “*Buôn lậu*” và phạt 3 năm tù về “*tội Chống người thi hành công vụ*”. Trường hợp này bị cáo phải chấp hành đồng thời cả hai hình phạt trên.

BLHS năm 1999 đã quy định cụ thể các trường hợp áp dụng áp dụng các nguyên tắc tổng hợp hình phạt trên. Cụ thể:

Nguyên tắc thu hút hình phạt được áp dụng khi hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình hoặc tù chung thân. Như vậy, nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt chung là tử hình. Nếu hình phạt nặng nhất trong các hình phạt đã tuyên là chung thân thì hình phạt chung là chung thân.

Nguyên tắc cộng hình phạt được áp dụng khi có thể cộng được các hình phạt của các tội, miễn là hình phạt chung nằm trong giới hạn luật cho phép. Mặt khác, nguyên tắc này chỉ được áp dụng khi các hình phạt đó cùng loại hoặc có thể quy về cùng loại.

Nguyên tắc cùng tồn tại chỉ được áp dụng khi không áp dụng được hai nguyên tắc trên. Cụ thể là nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại và không thể áp dụng được nguyên tắc thu hút hình phạt thì bị cáo phải chấp hành tất cả các hình phạt này.

Luật hình sự Việt Nam coi nguyên tắc cộng toàn bộ là nguyên tắc ưu tiên bắt buộc. Chỉ khi không áp dụng được nguyên tắc này mới áp dụng các nguyên tắc còn lại. Điều này thể hiện rõ trong các quy định cụ thể của BLHS năm 1999.

Tóm lại, tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là một trường hợp đặc biệt của hoạt động quyết định hình phạt. Khi tổng hợp hình phạt, Tòa án trước hết phải áp dụng các quy định chung đối với quyết định hình phạt, sau đó còn phải áp dụng quy định riêng đối với trường hợp này theo quy định của pháp luật. Việc tổng hợp hình phạt phải tuân thủ những nguyên tắc và cách thức nhất định. Theo pháp luật hiện hành có ba nguyên tắc tổng hợp hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội. Đó là các nguyên tắc: nguyên tắc thu hút, nguyên tắc cộng hình phạt, nguyên tắc cùng tồn tại. Mỗi nguyên tắc đều có cách thức tổng hợp riêng. Vì vậy, để tổng hợp hình phạt đúng đòi hỏi cán bộ xét xử phải hiểu đúng và áp dụng thống nhất các nguyên tắc này theo quy định tại điều 50 BLHS năm 1999. Xét về mặt kỹ thuật lập pháp, quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội tại điều 50 BLHS 1999 so với các quy định trước đó là một tiến bộ vượt bậc. Tuy nhiên, để các quy phạm pháp luật hình sự ngày càng hoàn thiện và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đấu tranh, phòng chống tội phạm, tác giả cho rằng cần phải bổ sung một điều luật riêng biệt quy định về khái niệm trường hợp “phạm nhiều tội” tại

phân chung BLHS.

Quy định về Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án

Theo quy định tại điều 51 BLHS năm 1999, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án có ba trường hợp sau:

** Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về một tội đã phạm trước khi có bản án này*

Căn cứ khoản 1 điều 51 quy định: Trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại điều 50 của bộ luật này. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung [52, tr.426]. Theo quy định trên, tội phạm sau thì bị xét xử trước, tội phạm trước lại bị xét xử sau. Trong trường hợp này, Tòa án quyết định hình phạt cho tội đang bị xét xử, sau đó tổng hợp với bản án trước theo quy định của điều 50 BLHS thành hình phạt chung. Thời gian còn lại phải chấp hành của người phạm tội bằng thời gian của hình phạt chung trừ đi thời gian mà người bị kết án đã chấp hành. Căn cứ tại khoản 1 điều 51 BLHS quy định "một người đang phải chấp hành một bản án"[30]. Vậy như thế nào là "*một người đang phải chấp hành một bản án*" ?

Có hai luồng ý kiến về vấn đề này:

Một là, một người đang chấp hành một bản án tức là người đó phải đang thực tế chấp hành bản án đó. Do vậy, một người mặc dù phải chấp hành một bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng thực tế chưa chấp hành, mà bị đưa ra xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì không tổng hợp hình phạt theo quy định tại khoản 1, điều 51 BLHS. Hai là, một người đang phải chấp hành hình phạt được hiểu là người đó đang có nghĩa vụ phải chấp hành một bản án đã có hiệu lực pháp luật nghĩa là cả trường hợp người đó đã bắt đầu việc chấp hành hình phạt của bản án đó nhưng chưa chấp hành xong và cả trường hợp người đó chưa bắt đầu chấp hành hình phạt của bản án đã có hiệu lực pháp luật đó. Tôi tán thành cách hiểu thứ hai, bởi lẽ một người đang chấp hành một bản án đã có hiệu lực pháp luật nghĩa là người đó đã có hành vi phạm tội, hành vi này đã bị Nhà nước lên án, bị trừng trị và người đó đang chịu hậu quả

pháp lý bất lợi do hành vi phạm tội của mình gây ra. Việc họ thực tế chưa phải chấp hành hình phạt không có nghĩa là họ không phải chịu hình phạt. Bên cạnh đó, việc thực tế họ chưa chấp hành hình phạt không có nghĩa là nhân thân của họ cũng không vì thế mà tốt đẹp lên. Do đó, việc Tòa án áp dụng khoản 1, điều 51 để tổng hợp hình phạt sẽ là sự đánh giá toàn diện nhất thái độ của Nhà nước đối với nhân thân người bị kết án. Một điều lưu ý nữa khi áp dụng khoản 1 điều 51 là thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước. Theo quy định thì "thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung" nhưng lại không quy định thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung (trong trường hợp hình phạt chung là tù có thời hạn hoặc cải tạo không giam giữ) và tác giả ý kiến trên cho rằng thời hạn tạm giữ, tạm giam cũng phải được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung [33, tr. 15]. Căn cứ quy định tại đoạn 2, khoản 1 điều 31 BLHS quy định: "Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ" [30] và quy định tại đoạn 2 điều 33 BLHS "Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, cứ một ngày tạm giữ, tạm giam bằng một ngày tù" [30], thì thấy rằng quy định trên đã gián tiếp quy định thời gian bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian đã chấp hành tại hình phạt chung theo khoản 1 điều 51 BLHS. Vì vậy, để đảm bảo tính khoa học trong BLHS thì không nên quy định thêm thời gian tạm giữ, tạm giam là thời gian đã chấp hành của hình phạt của bản án trước.

Bên cạnh đó, khi áp dụng khoản 1 điều 51 là vấn đề tổng hợp hình phạt trong trường hợp nhiều bản án, hình phạt của bản án trước là Cải tạo không giam giữ, của bản án sau là Tù có thời hạn. Đối với trường hợp này, trước khi tổng hợp hình phạt, Tòa án cần phải chuyển đổi toàn bộ hình phạt của bản án trước tuyên Cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù, theo tỷ lệ cứ ba ngày Cải tạo không giam giữ bằng một ngày tù, sau đó tổng hợp với hình phạt của bản án sau thành hình phạt chung. Hình phạt còn lại bằng hình phạt chung trừ đi thời gian hình phạt tù đã được quy đổi từ Cải tạo không giam giữ. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử các Tòa án thường trừ thời gian đã chấp hành trước rồi mới tổng hợp sau (nếu tổng hợp như vậy, trong

trường hợp hình phạt của các bản án tổng hợp lại là trên 30 năm tù thì sẽ gây thiệt hại cho người phạm tội)"[25, tr.20].

** Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án có hiệu lực pháp luật lại phạm tội mới và bị đem ra xét xử .*

Căn cứ khoản 2, điều 51 BLHS: Khi xét xử một người đang phải chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó cộng với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại điều 50 bộ luật này [52, tr.426-427].

Theo quy định trên, trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án có hiệu lực pháp luật lại phạm tội mới và bị đem ra xét xử có tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội phạm trước đó bởi vì họ đã không chịu cải tạo, giáo dục, ăn năn, hối lỗi mà lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội mới. Do đó, việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp này có tính nghiêm khắc hơn, mang tính răn đe cao hơn so với trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội phạm trước. Tính răn đe, nghiêm khắc hơn trong trường hợp này thể hiện: Tòa án quyết định hình phạt cho tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt quá giới hạn được quy định tại điều 50 BLHS. Như vậy, hình phạt chung trên thực tế tại khoản 2 điều 51 có thể trên 30 năm tù trong khi ở khoản 1 điều 51 hình phạt chung trên thực tế tối đa không quá 30 năm tù.

** Trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp.*

Căn cứ khoản 3, điều 51 BLHS quy định: Trong trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp thì Chánh án tòa án ra quyết định tổng hợp các bản án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này" [52, tr.427].

Theo quy định trên, có thể hiểu, một người phải chấp hành hai hay nhiều bản án có hiệu lực pháp luật (chưa thi hành hoặc đang thi hành) mà chưa được tổng hợp (vì lý do chủ quan hay khách quan) thì Chánh án là người có thẩm quyền quyết định

cao nhất ra quyết định tổng hợp hình phạt theo quy định.

Theo quy định trên thì nếu một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về một tội phạm trước khi có bản án đó thì Tòa án tổng hợp hình phạt theo quy định tại khoản 1 điều 51; nếu một người đang phải chấp hành một bản án có hiệu lực pháp luật lại phạm tội mới thì Tòa án tổng hợp hình phạt theo khoản 2 điều 51. Quy định tại khoản 3 chưa thật cụ thể, khá mơ hồ, dẫn đến việc khó áp dụng quy định của pháp luật nên nhiều khi bản án không chỉ rõ được điều khoản áp dụng trong trường hợp này.

Về thẩm quyền ra quyết định tổng hợp nhiều bản án được thực hiện theo Thông tư liên ngành số 02/TTLT ngày 20/12/1991 của TANDTC, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS, cụ thể:

- Việc Tổng hợp hình phạt của hai bản án của cùng một Tòa án thì do Chánh án Tòa án đó thực hiện;
- Việc Tổng hợp hình phạt của hai bản án do các Tòa án cùng cấp xét xử thì do Chánh án Tòa án đã ra bản án sau cùng (về mặt thời gian) thực hiện;
- Việc Tổng hợp hình phạt của hai bản án do các Tòa án khác cấp xét xử thì do Chánh án Tòa án cấp cao hơn thực hiện
- Việc Tổng hợp hình phạt của hai bản án trong đó có bản án của Tòa án nước ngoài đã được Tòa án Việt Nam công nhận thì do Chánh án TANDTC thực hiện [40].

Có thể nói khoản 3 điều 51 BLHS được áp dụng đối với người phạm tội đang phải chấp hành nhiều bản án có hiệu lực pháp luật nhưng các bản án này chưa được tổng hợp thành hình phạt chung nên Tòa án phải tổng hợp hình phạt của các bản án này thành hình phạt chung. Còn khoản 1, khoản 2 điều 51 áp dụng đối với người phạm tội đang phải chấp hành một bản án lại bị đưa ra xét xử về một hay nhiều tội phạm khác (tội cũ hoặc tội mới) và hình phạt tổng hợp được tuyên ở bản án thứ hai.

Trong quá trình xét xử, việc tổng hợp hình phạt của bản án đang xét xử với hình phạt của bản án khác đã có hiệu lực pháp luật theo quy định của khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS năm 1999, cần lưu ý các điểm như sau:

- Nếu bản án trước không bị kháng cáo, kháng nghị hoặc đã hết thời gian kháng

cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm (lúc đó bản án trước có hiệu lực pháp luật để thi hành), Tòa án xét xử vụ án sau quyết định hình phạt đối với tội mình xét xử và thực hiện việc tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án.

- Nếu bản án trước bị kháng cáo hoặc kháng nghị, thì Tòa án xét xử sơ thẩm sau chỉ quyết định hình phạt đối với tội mà mình xét xử. Việc tổng hợp hình phạt chung của hai bản án sẽ do Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện.

- Nếu bản án trước đã được xét xử phúc thẩm thì Tòa án xét xử vụ án sau quyết định hình phạt đối với tội mình xét xử và thực hiện việc tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án.

Có thể thấy theo quy định tại điều 51 BLHS vẫn áp dụng các quy định tổng hợp hình phạt giống với quy định việc tổng hợp hình phạt tại điều 50. Tuy nhiên, tại điều 50, tất cả các tội đều bị đem ra xét xử cùng một lần, Tòa án tuyên hình phạt đối với từng tội sau đó tổng hợp thành hình phạt chung; còn trong trường hợp tổng hợp hình phạt của nhiều bản án quy định tại điều 51, các tội đó được đưa ra xét xử ở các lần khác nhau, Tòa án sẽ phải tổng hợp hình phạt của các tội này dựa trên cơ sở các bản án khác nhau.

Bên cạnh đó, có ý kiến cho rằng quy định về điều 51 là không cần thiết [21, tr. 137] vì trong trường hợp có nhiều bản án, Tòa án sẽ vẫn áp dụng nguyên tắc tổng hợp hình phạt như trường hợp phạm nhiều tội, việc quy định tại điều 51 BLHS, thực chất nhằm phân hóa đối tượng để có đường lối xử lý tương ứng. Trường hợp quy định tại khoản 1 điều 51, về bản chất không có gì khác so với trường hợp phạm nhiều tội. Việc nhà làm luật quy định khoản 2 điều 51 mang tính nghiêm khắc hơn khoản 1 điều 51 với mục đích để răn đe vì người phạm tội vì chưa có ý thức cải tạo tốt, chưa tuân thủ pháp luật. Đối với trường hợp bị cáo đang thi hành mà phạm tội mới thì có hai khả năng xảy ra: Một là, bị cáo phạm tội mới thuộc trường hợp Tái phạm, Tái phạm nguy hiểm theo điều 49 BLHS thì Tòa án sẽ sử dụng tình tiết này để tăng nặng hình phạt trong bản án thứ hai (bản án xét xử về tội mới) nên Tòa án không cần phải áp dụng thêm nguyên tắc tổng hợp hình phạt theo khoản 2 điều 51 BLHS vì như vậy sẽ xử quá nặng cho bị cáo. Hai là, bị cáo phạm tội mới nhưng hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc trường hợp Tái phạm, Tái phạm nguy

hiểm (Ví dụ: Bị cáo đang chấp hành án nhưng phạm tội ít nghiêm trọng) nên Tòa án cũng không nên áp dụng nguyên tắc tổng hợp hình phạt nghiêm khắc hơn theo khoản 2 điều 51. Chính vì lý do trên, ý kiến này cho rằng BLHS nước ta không cần thiết quy định điều 51 mà chỉ cần bổ sung một khoản mới vào cuối điều 50 BLHS vì nó đảm bảo sự gọn nhẹ về kỹ thuật lập pháp cũng như tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Tóm lại, Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án được quy định tại điều 51 BLHS năm 1999 là một trường hợp quyết định hình phạt đặc biệt. Theo điều 51 BLHS, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án nảy sinh trong ba loại trường hợp và mỗi trường hợp có cách thức tổng hợp khác nhau, thể hiện thái độ của Nhà nước thông qua chính sách hình sự được áp dụng. Nhận thức và áp dụng đúng điều luật quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp này có ý nghĩa quan trọng trong việc tuyên hình phạt chính xác đối với người phạm tội.

Bước vào những năm đầu của thế kỷ 21, hoàn cảnh kinh tế- xã hội nước ta có nhiều thay đổi lớn. Sự thay đổi đó khiến cho BLHS năm 1999 bộc lộ nhiều hạn chế về nội dung và kỹ thuật lập pháp. BLHS năm 2015 ra đời, thay thế cho BLHS 1999 là một tất yếu khách quan, trong đó, nhiều quy định thể hiện sự thay đổi về chính sách hình sự của Nhà nước ta và thể hiện sự tiến bộ về kỹ thuật lập pháp. Quy định tổng hợp hình phạt cũng có những thay đổi, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

1.2.4. Quy định về Tổng hợp hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 2015

Điều 55 BLHS năm 2015 quy định rõ việc tổng hợp hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội như sau:

Nếu các hình phạt đã tuyên cùng là Cải tạo không giam giữ hoặc cùng là Tù có thời hạn, thì các hình phạt đó được cộng lại thành hình phạt chung; hình phạt chung không được vượt qua 3 năm đối với hình phạt Cải tạo không giam giữ, 30 năm đối với hình phạt Tù có thời hạn.

Nếu hình phạt đã tuyên là Cải tạo không giam giữ, Tù có thời hạn thì hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ ba ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành một ngày tù để tổng hợp thành hình

phạt chung theo quy định tại điểm a khoản 1 điều này.

Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là Chung thân thì hình phạt chung là Tù chung thân.

Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là Tử hình thì hình phạt chung là Tử hình.

Phạt tiền không tổng hợp với các loại hình phạt khác; các khoản tiền phạt được cộng thành hình phạt chung.

Trục xuất không tổng hợp cùng các hình phạt khác.

Hình phạt bổ sung là những biện pháp quan trọng bảo đảm hiệu quả công tác phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng, đồng thời tạo điều kiện cho việc thực hiện các nguyên tắc cá thể hóa hình phạt đối với người phạm tội. Hình phạt bổ sung chỉ có thể áp dụng kèm theo hình phạt chính và phải phù hợp với đặc điểm của tội phạm và nhân thân cũng như hoàn cảnh của bị cáo. Điều đó có nghĩa là cơ sở để Tòa án quyết định hình phạt bổ sung cho bị cáo là: 1) Đối với tội đã phạm luật có quy định hình phạt bổ sung; 2) Tòa án thấy có thể áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo (trừ những trường hợp bắt buộc do luật quy định). Vì vậy, khi đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng tội phạm cũng như nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo, Tòa án quyết định hình phạt chính cho từng tội, đồng thời quyết định hình phạt bổ sung cho từng tội đó (nếu có).

Bộ luật hình sự nước ta quy định rõ việc tổng hợp hình phạt bổ sung đối với trường hợp phạm nhiều tội ở khoản 2 điều 55 như sau :

a) Nếu hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do bộ luật này quy định đối với loại hình phạt đó; riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;

b) Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.

Quy định của BLHS về Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội bao gồm các nguyên tắc và cách thức sau :

Về cách thức tổng hợp, trong trường hợp phạm nhiều tội, trước khi tổng hợp và quyết định hình phạt chung cho các tội thì Tòa án phải quyết định hình phạt cho

từng tội. Sau khi tuyên hình phạt riêng cho từng tội, Tòa án sẽ quyết định và tuyên hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt quá giới hạn luật quy định đối với từng loại hình phạt. Hình phạt chung là sự đánh giá toàn diện và đầy đủ nhất đối với tất cả các hành vi nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo đã thực hiện, do đó mức phạt phải tương xứng với toàn bộ các tội mà bị cáo đã phạm. Nếu hình phạt chung được tổng hợp không đúng sẽ làm mất ý nghĩa của việc quyết định hình phạt đối với từng tội và do vậy sẽ không đạt được mục đích của hình phạt. Việc tổng hợp hình phạt phải tuân thủ theo những nguyên tắc nhất định. Đó là nguyên tắc thu hút, nguyên tắc cộng hình phạt và nguyên tắc cùng tồn tại.

Nguyên tắc cộng hình phạt có hai trường hợp: nguyên tắc cộng toàn bộ và nguyên tắc cộng một phần. Nguyên tắc cộng toàn bộ là nguyên tắc cho phép cộng toàn bộ các hình phạt thành hình phạt chung. Nguyên tắc này được áp dụng khi có thể và cần thiết phải cộng toàn bộ các hình phạt với nhau (hình phạt chung sau khi đã cộng không vượt giới hạn mà luật cho phép đối với loại hình phạt đó). Nguyên tắc cộng một phần là nguyên tắc cho phép cộng hình phạt cao nhất với một phần hình phạt còn lại thành hình phạt chung. Nguyên tắc này được áp dụng khi, không thể cộng toàn bộ được vì mới cộng một phần với hình phạt nặng nhất đã đạt mức tối đa cho phép của loại hình phạt này.

Về nguyên tắc thu hút, theo nguyên tắc thu hút, hình phạt chung là hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên. Nguyên tắc này được áp dụng trong trường hợp không thể cộng hết các hình phạt lại với nhau do có một trong các hình phạt đã tuyên là hình phạt nặng nhất trong hệ thống hình phạt hay do các hình phạt không thể cùng chấp hành. Ví dụ: Bị cáo B phạm tội Hiếp dâm và tội Giết người, Tòa án tuyên tử hình đối với tội Giết người và 10 năm tù với tội Hiếp dâm. Hình phạt chung trong trường hợp này là tử hình.

Về nguyên tắc cùng tồn tại, nguyên tắc cùng tồn tại được áp dụng khi không áp dụng được hai nguyên tắc trên. Tổng hợp hình phạt theo nguyên tắc này sẽ không có hình phạt chung cho tất cả các tội mà chỉ có việc phải chấp hành đồng thời các hình phạt.

BLHS năm 2015 đã quy định cụ thể các trường hợp áp dụng áp dụng các

nguyên tắc tổng hợp hình phạt trên. Cụ thể:

Nguyên tắc thu hút hình phạt được áp dụng khi hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình hoặc tù chung thân. Như vậy, nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt chung là tử hình. Nếu hình phạt nặng nhất trong các hình phạt đã tuyên là chung thân thì hình phạt chung là chung thân.

Nguyên tắc cộng hình phạt được áp dụng khi có thể cộng được các hình phạt của các tội, miễn là hình phạt chung nằm trong giới hạn luật cho phép. Mặt khác, nguyên tắc này chỉ được áp dụng khi các hình phạt đó cùng loại hoặc có thể quy về cùng loại.

Nguyên tắc cùng tồn tại chỉ được áp dụng khi không áp dụng được hai nguyên tắc trên. Cụ thể là nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại và không thể áp dụng được nguyên tắc thu hút hình phạt thì bị cáo phải chấp hành tất cả các hình phạt này.

Luật hình sự Việt Nam coi nguyên tắc cộng toàn bộ là nguyên tắc ưu tiên bắt buộc. Chỉ khi không áp dụng được nguyên tắc này mới áp dụng các nguyên tắc còn lại. Điều này thể hiện rõ trong các quy định cụ thể của BLHS năm 2015.

Tóm lại, Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là một trường hợp đặc biệt của hoạt động quyết định hình phạt. Khi tổng hợp hình phạt, Tòa án trước hết phải áp dụng các quy định chung đối với quyết định hình phạt, sau đó còn phải áp dụng quy định riêng đối với trường hợp này theo quy định của pháp luật. Việc tổng hợp hình phạt phải tuân thủ những nguyên tắc và cách thức nhất định. Theo pháp luật hiện hành, có ba nguyên tắc tổng hợp hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội. Đó là các nguyên tắc: nguyên tắc thu hút, nguyên tắc cộng hình phạt, nguyên tắc cùng tồn tại. Mỗi nguyên tắc đều có cách thức tổng hợp riêng. Vì vậy, để tổng hợp hình phạt đúng đòi hỏi cán bộ xét xử phải hiểu đúng và áp dụng thống nhất các nguyên tắc này theo quy định tại điều 55 BLHS năm 2015. Xét về mặt kỹ thuật lập pháp, quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội tại điều 55 BLHS 2015 so với các quy định trước đó là một tiến bộ vượt bậc. Tuy nhiên, để các quy phạm pháp luật hình sự ngày càng hoàn thiện và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đấu tranh, phòng chống tội phạm, tác giả cho rằng cần phải bổ

sung một điều luật riêng biệt quy định về khái niệm trường hợp “phạm nhiều tội” tại phần chung BLHS.

Quy định về Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án

Theo quy định tại điều 56 BLHS năm 2015, Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án có ba trường hợp sau:

** Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về một tội đã phạm trước khi có bản án này*

Căn cứ khoản 1 điều 56 quy định: Trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang xét xử sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại điều 55 của bộ luật này. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung [52, tr.426]. Theo quy định trên, tội phạm sau thì bị xét xử trước, tội phạm trước lại bị xét xử sau. Trong trường hợp này, Tòa án quyết định hình phạt cho tội đang bị xét xử, sau đó tổng hợp với bản án trước theo quy định của điều 55 BLHS thành hình phạt chung. Thời gian còn lại phải chấp hành của người phạm tội bằng thời gian của hình phạt chung trừ đi thời gian mà người bị kết án đã chấp hành. Căn cứ tại khoản 1 điều 56 BLHS quy định "một người đang phải chấp hành một bản án"[30]. Vậy như thế nào là "*một người đang phải chấp hành một bản án*" ?

Bên cạnh đó, khi áp dụng khoản 1 điều 56 là vấn đề tổng hợp hình phạt trong trường hợp nhiều bản án, hình phạt của bản án trước là cải tạo không giam giữ, của bản án sau là tù có thời hạn. Đối với trường hợp này, trước khi tổng hợp hình phạt, Tòa án cần phải chuyển đổi toàn bộ hình phạt của bản án trước tuyên cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ ba ngày cải tạo không giam giữ bằng một ngày tù, sau đó tổng hợp với hình phạt của bản án sau thành hình phạt chung. Hình phạt còn lại bằng hình phạt chung trừ đi thời gian hình phạt tù đã được quy đổi từ cải tạo không giam giữ. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử các Tòa án thường trừ thời gian đã chấp hành trước rồi mới tổng hợp sau (nếu tổng hợp như vậy, trong trường hợp hình phạt của các bản án tổng hợp lại là trên 30 năm tù thì sẽ gây thiệt hại cho người phạm tội)"[25, tr.20].

** Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án có hiệu lực pháp luật lại phạm tội mới và bị đem ra xét xử .*

Căn cứ khoản 2, điều 56 BLHS: Khi xét xử một người đang phải chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó cộng với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại điều 55 bộ luật này [52, tr.426-427].

Theo quy định trên, trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án có hiệu lực pháp luật lại phạm tội mới và bị đem ra xét xử có tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội phạm trước đó bởi vì họ đã không chịu cải tạo, giáo dục, ăn năn, hối lỗi mà lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội mới. Do đó, việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp này có tính nghiêm khắc hơn, mang tính răn đe cao hơn so với trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội phạm trước. Tính răn đe, nghiêm khắc hơn trong trường hợp này thể hiện: Tòa án quyết định hình phạt cho tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt quá giới hạn được quy định tại điều 55 BLHS. Như vậy, hình phạt chung trên thực tế tại khoản 2 điều 56 có thể trên 30 năm tù trong khi ở khoản 1 điều 56 hình phạt chung trên thực tế tối đa không quá 30 năm tù.

** Trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp.*

Căn cứ khoản 3, điều 56 BLHS quy định: Trong trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp thì Chánh án Tòa án ra quyết định tổng hợp các bản án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này" [52, tr.427].

Theo quy định trên, có thể hiểu, một người phải chấp hành hai hay nhiều bản án có hiệu lực pháp luật (chưa thi hành hoặc đang thi hành) mà chưa được tổng hợp (vì lý do chủ quan hay khách quan) thì Chánh án là người có thẩm quyền quyết định

cao nhất ra quyết định tổng hợp hình phạt theo quy định.

Theo quy định trên thì nếu một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về một tội phạm trước khi có bản án đó thì Tòa án tổng hợp hình phạt theo quy định tại khoản 1 điều 56; nếu một người đang phải chấp hành một bản án có hiệu lực pháp luật lại phạm tội mới thì Tòa án tổng hợp hình phạt theo khoản 2 điều 56. Quy định tại khoản 3 chưa thật cụ thể, khá mơ hồ, dẫn đến việc khó áp dụng quy định của pháp luật nên nhiều khi bản án không chỉ rõ được khoản áp dụng trong trường hợp này.

Tóm lại, Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án được quy định tại điều 56 BLHS năm 2015 là một trường hợp quyết định hình phạt đặc biệt. Theo điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án nảy sinh trong ba loại trường hợp và mỗi trường hợp có cách thức tổng hợp khác nhau, thể hiện thái độ của Nhà nước thông qua chính sách hình sự được áp dụng. Nhận thức và áp dụng đúng điều luật quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp này có ý nghĩa quan trọng trong việc tuyên hình phạt chính xác đối với người phạm tội.

Bộ luật hình sự năm 2015 có nhiều ưu điểm so với BLHS năm 1999, song cũng chưa thật hoàn thiện nên thực tiễn áp dụng còn gặp phải những vướng mắc, đòi hỏi có sự sửa đổi bổ sung và hoàn thiện.

Kết luận chương 1

Quy định Tổng hợp hình phạt là quy định đặc biệt trong quyết định hình phạt. Đó chính là quy định tổng hợp quyết định của hai hay nhiều bản án hoặc hai hay nhiều hình phạt thành hình phạt chung, buộc bị cáo phải chấp hành. Hình phạt chung là sự đánh giá đầy đủ và toàn diện nhất của Nhà nước đối với tất cả các tội mà bị cáo đã thực hiện. Qua nghiên cứu BLHS Việt Nam năm 1999 và BLHS năm 2015, tác giả nhận thấy có bốn trường hợp khi xét xử Tòa án phải tổng hợp hình phạt là: Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (điều 50), Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án (điều 51), Tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội (điều 75) và Tổng hợp hình phạt trong các

trường hợp liên quan đến án treo (khoản 5 điều 60). Tổng hợp hình phạt là một quy định pháp lý bảo đảm tính công bằng xã hội trong chính sách hình sự của Nhà nước đối với người phạm tội. Đó chính là việc người phạm nhiều tội thì phải chịu nhiều hình phạt hơn, phải bị trừng trị nhiều hơn người phạm một tội. Việc Tổng hợp hình phạt đúng có ý nghĩa quan trọng trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần giữ gìn trật tự xã hội. Việc Tổng hợp hình phạt đúng góp phần đạt được mục đích và nâng cao hiệu quả của hình phạt cũng như góp phần củng cố pháp chế, trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thi hành án thực thi nhiệm vụ, giúp tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc rà soát các bản án, quyết định của Tòa án. Các nguyên tắc tổng hợp hình phạt là những tư tưởng chỉ đạo trong quá trình xây dựng và áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự để Tòa án tổng hợp hình phạt chính xác đối với người phạm tội. Các nguyên tắc này được tác giả nghiên cứu dưới hai góc độ là : Lập pháp và áp dụng luật hình sự. Do tổng hợp hình phạt là một trường hợp đặc biệt của hoạt động quyết định hình phạt nên các nguyên tắc tổng hợp hình phạt có quan hệ chặt chẽ với các nguyên tắc quyết định hình phạt và có quan hệ biện chứng với các nguyên tắc chung của luật hình sự. Các nguyên tắc tổng hợp hình phạt bao gồm: Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong tổng hợp hình phạt và nguyên tắc công bằng trong tổng hợp hình phạt. Các nguyên tắc này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung, hỗ trợ nhau tạo thành một chỉnh thể thống nhất trong chính sách pháp luật của Nhà nước về tổng hợp hình phạt. Các nguyên tắc tổng hợp hình phạt không những có ý nghĩa lớn trong việc tổng hợp hình phạt nói riêng mà cùng với các nguyên tắc của luật hình sự, chúng còn có ý nghĩa chung trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm

CHƯƠNG 2

THỰC TIỄN TỔNG HỢP HÌNH PHẠT TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Tổng quan tình hình xét xử các vụ án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Trong thời gian qua, tình hình tội phạm càng ngày càng diễn biến phức tạp, tinh vi và nguy hiểm hơn; số vụ án hình sự vẫn có xu hướng gia tăng cả về mức độ, tính chất, người phạm tội. Cùng với yêu cầu làm tốt công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án, TAND tiếp tục triển khai các nhiệm vụ cải cách tư pháp theo các nghị quyết của Đảng, Quốc hội mà trọng tâm là việc đổi mới tổ chức, hoạt động của Tòa án theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 và Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của TAND...

Bảng 2.1. Số liệu về công tác giải quyết, xét xử án hình sự của tòa án nhân dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Thụ lý		Xét xử	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2012	726	1278	684	1179
2013	681	1272	644	1154
2014	705	1254	664	1140
2015	671	1175	604	1019
2016	613	1129	575	1013
Tổng	3396	6108	3171	5505

(Nguồn: Văn phòng - TAND TP Đà Nẵng)

Trong giai đoạn từ năm 2012-2016, Tòa án hai cấp trên địa bàn TP Đà Nẵng đã đưa ra xét xử hình sự 3171 vụ án, xử phạt 5505 bị cáo. Phần lớn các bị cáo bị Tòa án đưa ra xét xử là bị các tội liên quan về ma túy, cướp giật tài sản, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, cố ý gây thương tích... Trong quá trình xét xử các vụ án hình sự, các Tòa án

tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; chủ động phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng nhằm đảm bảo giải quyết tốt vụ án, đặc biệt là đối với các vụ án lớn, trọng điểm được dư luận xã hội quan tâm. Một số Tòa án đã xây dựng được quy chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, định kỳ họp trao đổi, thống nhất những vấn đề còn có ý kiến khác nhau về đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật, góp phần đảm bảo giải quyết tốt vụ án, tránh tình trạng trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung nhiều lần giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, dẫn tới kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Trong những năm qua, các vụ án lớn, đặc biệt nghiêm trọng đều đã được các Tòa án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng khẩn trương nghiên cứu hồ sơ để đưa ra xét xử kịp thời, nghiêm minh, đáp ứng yêu cầu chính trị của các địa phương. Điển hình là các vụ án Nguyễn Nhật Quang phạm tội "Cướp tài sản và Cố ý gây thương tích" xảy ra trên địa bàn quận Hải Châu TP Đà Nẵng; vụ án Đỗ Thành Nhân (sinh năm 1976) và đồng bọn là Trần Lợi Hải, Bùi Văn Quang cùng sinh năm 1985 và Dương Quân Hào (sinh năm 1988, ngụ phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu TP Đà Nẵng) phạm tội Giết người và Cố ý gây thương tích, theo kiểu băng nhóm xã hội đen, chỉ vì một nguyên nhân mâu thuẫn rất nhỏ là tranh giành địa bàn làm ăn... và ngoài ra còn nhiều vụ án mang tính chất phức tạp, nghiêm trọng khác.

Hình phạt mà Tòa án áp dụng đối với các bị cáo về cơ bản đảm bảo nghiêm minh, đúng pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay. Thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo TANDTC về khắc phục việc cho hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật, việc áp dụng chế định án treo đều được các Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng, nên nhìn chung các trường hợp đều đảm bảo có căn cứ pháp luật theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 6.11.2013 của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

Trong hoạt động của mình, ngành TAND hai cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cũng đã tích cực hưởng ứng các đợt cao điểm đấu tranh trấn áp tội phạm

do Thủ tướng Chính phủ phát động, và tháng cao điểm đấu tranh phòng chống ma túy, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm ở từng địa bàn, từng thời điểm. Ngoài ra, Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cũng đã chú trọng phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng cùng cấp xác định các vụ án điểm để tập trung điều tra truy tố xét xử, tăng cường công tác xét xử lưu động tại địa phương nơi xảy ra vụ án hoặc các địa bàn trọng điểm về một số loại tội phạm nhất định (giai đoạn từ 2012 đến 2016, TAND hai cấp đã tổ chức đưa ra xét xử lưu động 368 vụ án).

Tỷ lệ giải quyết các vụ án hình sự trong giai đoạn 2012 - 2016 đạt 99,5% và vượt chỉ tiêu xét xử đã đề ra. Phối hợp tốt với Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan Thi hành án cùng cấp trong các trường hợp án tuyên không rõ. Thực hiện tốt việc đổi mới thủ tục xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa nhằm đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp như: Quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa, quyền tranh luận tại phiên tòa... Do đó, chất lượng giải quyết, xét xử các vụ án hình sự về cơ bản đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

2.2. Thực tiễn Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

2.2.1. Những kết quả đạt được về Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Bảng 2.2. Số liệu về các bị cáo phạm nhiều tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2012 đến năm 2016

<i>Năm</i>	<i>Tổng số bị cáo đã xét xử</i>	<i>Số bị cáo phạm nhiều tội</i>	<i>Tỷ lệ số bị cáo phạm nhiều tội</i>
2012	1179	22	1.86%
2013	1154	19	1.64%
2014	1140	16	1.4%
2015	1019	21	2.06%
2016	1013	26	2.56 %
Tổng	5505	104	1.89%

(Nguồn: Văn phòng - TAND TP Đà Nẵng)

Trong những năm vừa qua, Tòa án các cấp trên địa bàn TP Đà Nẵng đã đưa ra

xét xử đối với 5505 bị cáo, trong đó, phạm nhiều tội là 181 bị cáo, chiếm tỉ lệ 3.2% và đã bị Tòa án tổng hợp hình phạt đúng quy định của pháp luật, không có trường hợp tổng hợp sai.

Ví dụ 1: *Tại bản án số: 33/2011/HSST ngày 20/7/2011 của TAND TP Đà Nẵng tuyên phạt bị cáo Trần Quang Cường - Địa chỉ: Tổ 18, phường Nam Dương, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng - 09 tháng tù về tội "Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử" theo khoản 1 điều 311 BLHS. Hình phạt còn lại của bị cáo Trần Quang Cường tại bản án số 25/2011/HSST ngày 18/9/2011 của TAND quận Hải Châu, TP Đà Nẵng tuyên phạt về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 138 là 15 tháng. Do đó đã buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 24 tháng tù.*

Ví dụ 2: *Tại bản án số: 53/2013/HSST ngày 10/11/2013 của TAND Thành phố Đà Nẵng tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đình Quốc - Địa chỉ: Tổ 15, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng - 36 tháng tù về tội "Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy" theo khoản 1 điều 194 BLHS và 24 tháng tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo khoản 1 điều 230 BLHS. Tổng hình phạt Bị cáo Nguyễn Đình Quốc phải chấp hành là 60 tháng tù.*

2.2.2. Những tồn tại khó khăn vướng mắc về Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và nguyên nhân

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được thì quá trình giải quyết, xét xử án hình sự không thể tránh khỏi một số thiếu sót trong cả quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, Nhận xét về quyết định Toà án cả nước trong những năm gần đây, Toà án nhân dân tối cao đã chỉ ra nguyên nhân của việc quyết định hình phạt còn chưa đúng: *"Việc quyết định hình phạt có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là không thực hiện đúng các quy định tại Điều 45 BLHS 1999"* nghĩa là thực hiện không đúng các căn cứ quyết định hình phạt.

Đối với việc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội còn gặp những bất cập, vướng mắc sau đây:

Liên quan đến việc quyết định hình phạt đối với các tội ghép như 274, 275, 194, 195, thực tiễn xét xử khó khăn trong trường hợp bị cáo thực hiện hai hành vi

được quy định thì định một tội để quyết định hình phạt hay định thành nhiều tội rồi tổng hợp hình phạt?

Ví dụ: Nguyễn Thái Bình bị định tội danh và quyết định hình phạt về hai tội: “*Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép*” và tội “*Cưỡng ép người khác ở lại nước ngoài trái phép*” theo Điều 275 BLHS. Phân tích thì thấy trong trường hợp này thì bị cáo Bình chỉ phạm một tội của điều luật ghép mà thôi. Về mặt nguyên tắc thì cả truy tố và xét xử như vậy đều không đúng, vấn đề là ở chỗ trong cùng Điều 275 của BLHS nhưng cấu thành của các tội phạm lại khác nhau về chủ quan và khách quan, do đó rất dễ nhầm lẫn khi xác định tội danh (mặc dù quy định cùng một chế tài). Mặt khác, khi thực hiện việc thống kê tổng hợp án hình sự cũng gặp nhiều khó khăn khi không tách riêng từng tội phạm cụ thể mà gộp chung trong một điều luật, từ đó gây khó khăn cho việc nắm bắt tình hình tội phạm thực tế, nhất là trong giai đoạn hiện nay.

Hoặc khi định tội danh và quyết định hình phạt về các tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội “*Chiếm đoạt chất ma túy*” theo Điều 194 BLHS. Đây cũng là một tội của điều luật ghép. Tại chương XVIII BLHS năm 1999 thì hành vi sản xuất trái phép chất ma túy, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy được định tội danh thành hai điều luật là: Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 193 BLHS); tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy (Điều 194 BLHS). Cho nên, trường hợp như trên mà thực hiện hai hành vi thì bị kết án về hai tội và hình phạt được quyết định theo Điều 50 BLHS “*Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội*”.

Mặt khác, việc quy định thành các tội đối với hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy cũng đã gây khó khăn cho việc định tội danh một cách chính xác nhất. Do đó, để khắc phục những bất cập này, khi sửa đổi BLHS sắp tới nên gộp hai điều luật trên thành một điều luật quy định, tội danh nêu trên thành một tội danh là tội “*Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy*”. Từ năm 2011 đến năm 2013, một số Tòa án khi xét xử những trường hợp tại Điều 274, 275 BLHS và Chương các tội phạm về ma túy, khi xét xử bị cáo phạm nhiều tội, có một trường hợp khi tuyên bị cáo phạm hai tội nhưng chỉ có một hình phạt (không tuyên từng tội, hoặc tuyên từng tội khi quyết định hình phạt thì lại

không tổng hợp hình phạt chung hoặc tổng hợp hình phạt chung thì lại không áp dụng Điều 50 BLHS). Qua tìm hiểu thực tiễn công tác xét xử, đây là tình trạng chung của nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước vẫn mắc phải.

- Liên quan đến người chưa thành niên phạm nhiều tội, thực tiễn xét xử án hình sự đã có một số vướng mắc như: Vụ án đối với người chưa thành niên phạm tội, khi xét xử có bị cáo phạm nhiều tội, có tội thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi.

Ví dụ: Trần Quốc Khánh tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi 10 tháng thực hiện hành vi “*Cướp tài sản*” theo khoản 3 Điều 133 BLHS. Sau đó, bị cáo Khánh lại phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 2 Điều 135 BLHS khi 18 tuổi 5 tháng. Bị cáo Khánh bị truy tố và xét xử cùng một lần về hai tội và bị xử phạt 12 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” và 07 năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Trong trường hợp này, người phạm tội bị xét xử và tuyên hình phạt đối với từng tội, nên có nhiều Điều luật được áp dụng. Vậy phải căn cứ vào điều luật nào để xác định mức hình phạt tù tối đa được áp dụng cho các tội?

Trường hợp này, tác giả cho rằng, quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó căn cứ vào Điều 50 và Điều 75 của BLHS để tổng hợp hình phạt. Mặt khác, cũng phải có căn cứ vào điều luật được áp dụng đối với tội nặng nhất trong số các tội bị xét xử theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/NQ- HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xác định tội nặng hơn, tội nhẹ hơn, bởi lẽ mức hình phạt tối đa của các tội không thể nhẹ hơn mức hình phạt tối đa của tội nặng nhất trong số các tội đó.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn phần xét xử sơ thẩm, để xác định tội nặng hơn, tội nhẹ hơn thì tội “*Cướp tài sản*” nặng hơn tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 và Khoản 1 Điều 75 của BLHS, mức hình phạt tù tổng hợp của hai tội bị giới hạn không vượt quá $\frac{3}{4}$ mức hình phạt tù cao nhất của điều luật được áp dụng. Trong trường hợp này, mức hình phạt tù tổng hợp của hai tội không được vượt quá $\frac{3}{4}$ mức hình phạt tù cao nhất của khoản 3 Điều 133 BLHS, tức là không vượt quá 15 năm tù ($\frac{3}{4}$ của 20 năm tù = 15 năm

tù). Nếu không bị giới hạn bởi mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74 và Điều 75 BLHS, hình phạt tù chung của hai tội này là 12 năm + 7 năm = 19 năm, nhưng do bị giới hạn như trên nên hình phạt chung của hai tội trong trường hợp này là 15 năm tù.

Theo quy định của BLHS năm 1999 thì giới hạn mức hình phạt tù tối đa theo điều 74 và Điều 75 của BLHS chỉ có thể chấp nhận được trong trường hợp tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên, sau khi thành niên người này lại phạm một hoặc nhiều tội mà hình phạt đối với tội hoặc hình phạt tổng hợp của các tội thấp hơn hoặc bằng mức hình phạt tối đa quy định tại Điều 74 của Bộ luật này, còn trường hợp hình phạt đối với tội hoặc hình phạt tổng hợp của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên cao hơn mức hình phạt tối đa theo quy định, thì quy định tại khoản 1 Điều 75 đã bộc lộ rõ sự bất hợp lý. Bởi lẽ, hình phạt của các tội hoặc của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên đã cao hơn mức hình phạt cao nhất theo quy định tại Điều 74 của BLHS, nhưng tổng hợp hình phạt này với hình phạt của tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên, thì hình phạt chung của tất cả các tội lại thấp hơn hình phạt của tội hoặc của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên (chỉ bằng mức tối đa theo Điều 74 của BLHS). Ví dụ: Võ Thanh Sơn phạm tội Giết người theo mức tối đa theo khoản 1 Điều 93 BLHS khi 17 tuổi 11 tháng, sau đó Sơn lại phạm tội Cướp tài sản theo khoản 3 Điều 133 BLHS khi 18 tuổi 02 tháng và tội Cố ý gây thương tích theo khoản 3 Điều 104 BLHS. Toà án đưa bị cáo ra xét xử trong một lần về 3 tội trên và tuyên phạt 14 năm tù về tội Giết người, 12 năm tù về tội Cướp tài sản, 10 năm về tội Cố ý gây thương tích. Trong trường hợp này, tội nặng nhất là tội Giết người, có mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình, nhưng khi thực hiện B chưa thành niên; Do đó, hình phạt chung của các tội trên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 và khoản 1 điều 75 có mức tối đa là 18 năm tù. Trong khi đó, hình phạt chung của hai tội: Tội Cướp tài sản và tội Cố ý gây thương tích là 12 năm + 10 năm = 22 năm. Nhưng khi tổng hợp hình phạt của hai tội này với hình phạt 14 năm tù của tội Giết người theo quy định của Điều 74 và Điều 75 BLHS, thì hình phạt chung Sơn phải chịu là 18 năm tù, ít hơn hình phạt chung của hai tội; Tội Cướp tài sản và tội Cố ý gây thương tích là không hợp lý.

2.2.2. Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế

2.2.2.1. Những nguyên nhân trong quy định pháp luật và nhận thức pháp luật

- Quy định của BLHS về tổng hợp hình phạt cũng còn thiếu tính hệ thống, tính thống nhất. Các Điều 31, Điều 33 quy định mức tối đa của Cải tạo không giam giữ là 3 năm, của Tù có thời hạn là 20 năm. Thế nhưng không hiểu trên cơ sở nào mà khi tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, mức phạt tối đa của Cải tạo không giam giữ cũng chỉ 3 năm; trong khi mức tối đa của phạt tù lại là 30 năm (điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS).

- Trong thực tiễn, việc tổng hợp hình phạt bổ sung cũng còn có nhận thức chưa chính xác. Điểm a khoản 2 Điều 50 BLHS quy định đối với hình phạt bổ sung “*Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật này quy định đối với loại hình phạt đó*”. Tuy nhiên, nhiều Tòa án lại cho rằng “giới hạn” mà Bộ luật quy định là mức tối đa của hình phạt; và việc tổng hợp hình phạt bổ sung được thực hiện bằng cách cộng các hình phạt thành hình phạt chung và hình phạt chung không vượt quá mức cao nhất của loại hình phạt tổng hợp (tức không quá năm năm).

Nhận thức và thực tiễn trên là không đúng với pháp luật. Khoản 1 Điều 50 BLHS quy định khi tổng hợp hình phạt chính, các Tòa cộng các hình phạt; còn khoản 2 Điều luật quy định khi tổng hợp hình phạt bổ sung, các Tòa quyết định hình phạt chung trong giới hạn loại hình phạt được tổng hợp. Như vậy, luật cho phép Tòa án tùy nghi quyết định hình phạt chung và không nhất thiết giới hạn bởi mức tối đa của loại hình phạt. Ví dụ, khi tổng hợp hai hình phạt quản chế 3 năm và 3 năm, Tòa án có thể quyết định hình phạt chung trong khoản cách từ 3 năm đến 5 năm, mà không nhất thiết phải là 5 năm.

- Việc quy định các tội phạm kép trong BLHS cũng làm cho việc nhận thức và áp dụng việc định tội danh cũng như quyết định hình phạt gặp khó khăn; nhất là khó phân biệt trong trường hợp nào thì định tội danh kép và quyết định một hình phạt, trong trường hợp nào thì định các tội danh độc lập và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

2.2.2.2. Nguyên nhân về tổ tụng và công tác tổ chức xét xử

- Số lượng các loại vụ án và đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm mà hệ thống

Toà án nhân dân phải thụ lý giải quyết trong thời gian qua là rất lớn, áp lực công việc ngày càng tăng, trong khi đó số lượng cán bộ, Thẩm phán của một số Toà án chưa đủ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Một số quy định liên quan đến công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án có sửa đổi, bổ sung. Theo quy định của pháp luật tố tụng thì Hội đồng giám đốc thẩm không còn thẩm quyền sửa các bản án, quyết định của Toà án cấp dưới; Do đó, khi phát hiện có sai lầm nghiêm trọng thì chỉ có thẩm quyền huỷ các bản án, quyết định đó để giải quyết lại vụ án, nên tỷ lệ các bản án, quyết định bị huỷ nhiều hơn.

2.2.2.3. Các nguyên nhân về con người

- Chế độ chính sách đối với cán bộ Toà án nhân dân còn nhiều khó khăn, chưa giúp cho Toà án có thể tuyển dụng cán bộ có trình độ, năng lực vào công tác trong ngành, đặc biệt là những nơi vùng sâu, vùng xa thiếu nguồn tuyển dụng cán bộ, thời gian gần đây cũng đã xuất hiện một số trường hợp cán bộ Toà án xin nghỉ việc hoặc chuyển công tác vì thu nhập quá thấp và áp lực công việc nặng nề.

- Năng lực chuyên môn của người định tội danh và quyết định hình phạt còn hạn chế. Tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ, công chức Toà án, kể cả một số lãnh đạo Toà án nhân dân địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay, dẫn tới hiệu quả công tác xét xử về chuyên môn của đơn vị chưa cao. Còn có những cán bộ, Thẩm phán chưa vững vàng về bản lĩnh chính trị, nghề nghiệp, thiếu kiên quyết trong công việc bảo vệ pháp luật, bảo vệ công lý, chưa thực hiện nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử nên dẫn đến việc giải quyết vụ án không đúng pháp luật.

- Việc tổ chức công tác xét xử, quản lý điều hành các công tác khác ở một số Toà án chưa hợp lý. Ở một số Toà án chưa kịp thời chủ động đề ra các biện pháp có hiệu quả để nâng cao chất lượng công tác xét xử, chậm khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, nhất là trong công tác xét xử. Công tác đào tạo lại, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân vẫn còn hạn chế, hiệu quả chưa cao.

- Đạo đức nghề nghiệp của một số Thẩm phán, Hội thẩm chưa tốt. Nếu như năng lực chuyên môn là điều kiện cần thì đạo đức nghề nghiệp là điều kiện đủ để tạo nền tảng giải quyết vụ án hình sự một cách đúng đắn. Trên cơ sở năng lực chuyên môn vững vàng, người tiến hành tố tụng giải quyết vụ án hình sự phải là người có ý thức

tuân thủ pháp luật, cũng như gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật, là người có trách nhiệm với công việc, với những quyết định, phán xét của mình.

Tuy nhiên, hiện nay cũng có một số cán bộ, công chức khi giải quyết vụ án đã mang tình cảm cá nhân vào công việc, chỉ vì lợi ích cá nhân mà làm sai lệch phần nào vụ án; Cũng có trường hợp không quyết đoán tìm ra sự thực cho đến cùng mà bàng quan, thiếu trách nhiệm. Dẫn đến vụ án oan sai, xử không đúng người đúng tội, gây mất lòng tin ở nhân dân.

2.3. Thực tiễn Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án

2.3.1. Những kết quả đạt được về tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án

Bảng 2.3. Số liệu về các bị cáo phạm nhiều tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2012 đến năm 2016

<i>Năm</i>	<i>Tổng số bị cáo đã xét xử</i>	<i>Số bị cáo đang chấp hành một bản án lại bị xét xử trước khi có bản án khác</i>	<i>Tỷ lệ số bị cáo đang chấp hành một bản án lại bị xét xử trước khi có bản án khác</i>
2012	1179	44	3.73%
2013	1154	35	3.03%
2014	1140	36	3.1%
2015	1019	26	2.55%
2016	1013	28	2.76 %
Tổng	5505	169	3.06%

(Nguồn Văn phòng Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng)

* Trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp.

Ví dụ 1: Tại bản án số: 55/2011/HSST ngày 25/9/2011 của TAND TP Đà Nẵng tuyên phạt bị cáo Võ Văn Lâm - Địa chỉ: tổ 13 phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng - 12 năm tù. Võ Văn Lâm đang chấp hành hình phạt tù thì bị phát hiện ra trước đó Võ Văn Lâm phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Ngày 25/9/2011, TAND TP Đà Nẵng tuyên phạt Võ Văn Lâm 10 năm tù theo điểm đ, khoản 2, điều 139 BLHS về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Căn cứ điều 50

BLHS, khoản 1 điều 51 BLHS, bị cáo Võ Văn Lâm phải chấp hành hình phạt chung là 22 năm tù. Bị cáo Lâm bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2011 đến 25/9/2011 (ngày tuyên bản án HSST trước) và phải tiếp tục chấp hành hình phạt từ 26/9/2011 đến 25/9/2011 (ngày tuyên bản án sơ thẩm sau). Như vậy, bị cáo đã chấp hành được 01 năm 07 tháng 29 ngày tù nên thời gian bị cáo Võ Văn Lâm còn phải chấp hành là: 22 năm tù - 01 năm 07 tháng 29 ngày tù = 20 năm 04 tháng 01 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án, ngày 25/9/2010.

Ví dụ 2: Tại bản án số: 98/2014/HSST ngày 10/11/2014 tuyên phạt Trần Thị Hồng Hạnh phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điều 194 BLHS và bị TAND thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 2 năm Cải tạo không giam giữ. Sau đó, Trần Thị Hồng Hạnh phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 2 điều 248 BLHS và bị và bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 3 năm tù giam. Do TAND thành phố Đà Nẵng không biết Trần Thị Hồng Hạnh đang phải chấp hành hình phạt bản án của TAND thành phố Hồ Chí Minh nên không tổng hợp hình phạt. Sau khi phát hiện ra sự việc, Chánh án TAND thành phố Đà Nẵng căn cứ khoản 2 điều 51 tuyên phạt Trần Thị Hồng Hạnh phải chấp hành hình phạt chung là 3 năm + 24 tháng/3 = 3 năm 8 tháng tù.

* Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án có hiệu lực pháp luật lại phạm tội mới và bị đem ra xét xử.

Ví dụ 1: Tại bản án số: 66/2014/HSST ngày 20/3/2014 của TAND thành phố Đà Nẵng tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Công - Địa chỉ: Tổ 44, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng - 12 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 1 điều 104 BLHS. Trong thời gian chấp hành hình phạt của bản án số 66/2014/HSST, Nguyễn Văn Công tiếp tục phạm tội và bị TAND quận Hải Châu tuyên phạt 24 tháng tù tại bản án số 89/2014/HSST ngày 28/11/2014 của TAND quận Hải Châu về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 điều 194 BLHS. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 36 tháng.

Ví dụ 2: Tại bản án số: 75/2013/HSST ngày 10/12/2013 của TAND thành phố Đà Nẵng tuyên phạt bị cáo Lê Tự Long - Địa chỉ: Tổ 15, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng - 36 tháng tù về tội "Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy" theo khoản 1 điều 194 BLHS. Bị cáo Lê Tự

Long chưa chấp hành phần hình phạt của bản án số 09/2013/HSST ngày 18/2/2013 của TAND quận Hải Châu, TP Đà Nẵng là 23 tháng 10 ngày tù. Do vậy, hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 59 tháng 10 ngày tù.

2.3.2. Những tồn tại khó khăn, vướng mắc về Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án và nguyên nhân

Trong quá trình xét xử, việc tổng hợp hình phạt của bản án đang xét xử với hình phạt của bản án khác đã có hiệu lực pháp luật theo quy định của khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 gặp nhiều khó khăn vướng mắc và ta cần lưu ý các điểm như sau:

- Nếu bản án trước không bị kháng cáo, kháng nghị hoặc đã hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm (lúc đó Bản án trước có hiệu lực pháp luật để thi hành), Tòa án xét xử vụ án sau quyết định hình phạt đối với tội đang xét xử và thực hiện việc tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án;

- Nếu bản án trước bị kháng cáo hoặc kháng nghị, thì Tòa án xét xử sơ thẩm sau chỉ quyết định hình phạt đối với tội đang xét xử. Việc tổng hợp hình phạt chung của hai bản án sẽ do tòa án cấp phúc thẩm thực hiện.

- Nếu bản án trước đã được xét xử phúc thẩm thì Tòa án xét xử vụ án sau quyết định hình phạt đối với tội đang xét xử và thực hiện việc tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án;

Khi nghiên cứu Điều 51 có thể thấy, quy định Điều 51 vẫn áp dụng các quy định tổng hợp hình phạt giống với quy định việc tổng hợp hình phạt tại Điều 50. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 50, tất cả các tội đều bị đem ra xét xử cùng một lần, Tòa án tuyên hình phạt đối với từng tội sau đó tổng hợp thành hình phạt chung; còn trong trường hợp tổng hợp hình phạt của nhiều bản án quy định tại Điều 51, các tội đó được đưa ra xét xử ở các lần khác nhau, Tòa án sẽ phải tổng hợp hình phạt của các tội này dựa trên cơ sở các bản án khác nhau.

Bên cạnh đó, có ý kiến cho rằng quy định về Điều 51 là không cần thiết [19, tr. 137] vì trong trường hợp có nhiều bản án, Tòa án sẽ vẫn áp dụng nguyên tắc tổng hợp hình phạt như trường hợp phạm nhiều tội, việc quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, thực chất nhằm phân hóa đối tượng để có đường lối xử lý tương ứng.

Trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 51, về bản chất không có gì khác so với trường hợp phạm nhiều tội. Việc nhà làm luật quy định Khoản 2 Điều 51 mang tính nghiêm khắc hơn Khoản 1 Điều 51 với mục đích để răn đe vì người phạm tội vì chưa có ý thức cải tạo tốt, chưa tuân thủ pháp luật. Đối với trường hợp bị cáo đang thi hành mà phạm tội mới thì có hai khả năng xảy ra: Một là, bị cáo phạm tội mới thuộc trường hợp Tái phạm, Tái phạm nguy hiểm theo Điều 49 Bộ luật hình sự thì Tòa án sẽ sử dụng tình tiết này để tăng nặng hình phạt trong Bản án thứ hai (bản án xét xử về tội mới) nên Tòa án không cần phải áp dụng thêm nguyên tắc tổng hợp hình phạt theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì như vậy sẽ xử quá nặng cho bị cáo; Hai là, bị cáo phạm tội mới nhưng hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc trường hợp Tái phạm, Tái phạm nguy hiểm (ví dụ, bị cáo đang chấp hành án nhưng phạm tội ít nghiêm trọng) nên Tòa án cũng không nên áp dụng nguyên tắc tổng hợp hình phạt nghiêm khắc hơn theo Khoản 2 Điều 51. Chính vì lý do trên, ý kiến này cho rằng Bộ luật hình sự nước ta không cần thiết quy định Điều 51 mà chỉ cần bổ sung một khoản mới vào cuối Điều 50 Bộ luật hình sự vì nó đảm bảo sự gọn nhẹ về kỹ thuật lập pháp cũng như tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Trong giai đoạn 2012-2016, Tòa án hai cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chưa xảy ra sai sót trong vấn đề Tổng hợp hình phạt theo Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trên thực tiễn xét xử của cả nước thì vấn đề tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự còn gặp nhiều vấn đề cần xem xét như:

Thứ nhất, bị cáo bị xét xử bằng nhiều bản án nhưng các bản án chưa được tổng hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 51; *Thứ hai*, bị cáo bị xét xử bằng nhiều bản án và các bản án này đã được tổng hợp không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 51 như bản án bị tổng hợp hai lần hay có trường hợp bản án này được tổng hợp hai lần, bản án kia lại không được tổng hợp, dẫn đến việc kháng nghị và xét xử giám đốc thẩm; *Thứ ba*, việc tổng hợp bản án vi phạm khoản 2 như đã hết thời hạn thử thách nhưng vẫn xác định phạm tội trong thời gian thử thách; *Thứ tư*, việc giải quyết vụ án không được nhanh chóng, kịp thời do khó khăn trong xác định lý lịch. Có thể nói, để đạt được kết quả như vậy, cán bộ công chức ngành Tòa án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã phải nỗ lực hết mình cũng như sự phối, kết hợp tốt trong

công tác xét xử của các ban, ngành liên quan.

Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới cũng quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án, nhưng khác Bộ luật hình sự nước ta ở chỗ đều không quy định trường hợp bị cáo có nhiều bản án có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được tổng hợp.

Theo Điều 71 Bộ luật hình sự của Cộng hòa Liên bang Nga quy định: "Trong trường hợp có nhiều Bản án, phần hình phạt chưa chấp hành trước được cộng một phần hoặc toàn bộ vào hình phạt được quyết định theo Bản án sau của Tòa án..." [46].

Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định hai trường hợp tương tự như Điều 51 khoản 1, 2 Bộ luật hình sự Việt Nam. Theo Điều 70 thì: Sau khi tuyên án, nếu thời hạn chấp hành hình phạt chưa hết mà phát hiện được người phạm tội trước khi tuyên án còn nhiều tội khác chưa được xét xử thì phải tiến hành xét xử tội mới phát hiện, sau đó quyết định hình phạt chung cho cả các tội đã xử theo quy định của Điều 69 Bộ luật hình sự. Thời gian chấp hành hình phạt được tính vào thời hạn của hình phạt được quyết định trong bản án mới. Điều 71 quy định: "Sau khi tuyên án, nếu người phạm tội lại phạm tội trong thời gian chưa chấp hành xong hình phạt thì phải tiến hành xét xử tội mới, sau đó quyết định hình phạt cho cả hai tội theo quy định của Điều 69 Bộ luật hình sự". Hoặc Điều 1 Chương 34 Bộ luật hình sự Thụy Điển quy định: Nếu một người đã bị kết án về một tội là hình phạt tù mà lại phát hiện phạm tội khác trước khi có bản án đó hoặc nếu lại phạm tội mới sau khi đã có bản án nhưng chưa chấp hành xong hình phạt hoặc trước khi hình phạt chấm dứt theo các quy định khác tùy vào từng trường hợp cụ thể và có tính đến các quy định từ Điều 2 đến Điều 7, Tòa án có thể:

1. Quyết định áp dụng hình phạt của tội trước cho tội thứ hai;
2. Quyết định một hình phạt riêng cho tội thứ hai;
3. Trường hợp bản án trước đã có hiệu lực pháp luật thì hủy hình phạt đã tuyên và áp dụng một hình phạt khác chung cho cả hai tội...

Tóm lại, Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 là một trường hợp quyết định hình phạt đặc biệt. Theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án có ba trường hợp và mỗi trường hợp có cách thức tổng hợp khác nhau, thể hiện thái độ của Nhà nước thông qua chính sách hình sự được áp dụng. Nhận thức và áp dụng đúng điều

luật quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp này có ý nghĩa quan trọng trong việc tuyên hình phạt chính xác đối với người phạm tội.

2.4. Thực tiễn tổng hợp hình phạt trong trường hợp có liên quan đến án treo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Trong quá trình nghiên cứu vấn đề tổng hợp hình phạt liên quan đến án treo, trong 5 năm cho thấy số người được hưởng án treo luôn chiếm một tỉ lệ không nhỏ, trung bình từ 15% đến 20% trong tổng số bị cáo được đưa ra xét xử trên địa bàn TP Đà Nẵng. Điều đó thể hiện chính sách hình sự nhân đạo xã hội chủ nghĩa của nhà nước ta cũng như khẳng định mục đích của hình phạt trong luật hình sự Việt Nam luôn mang tính giáo dục nhiều hơn là tính trừng trị đối với người phạm tội.

Bảng 2.4. Số liệu về tổng số bị cáo được hưởng án treo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2012 đến năm 2016

<i>Năm</i>	<i>Tổng số bị cáo đã xét xử</i>	<i>Số bị cáo được cho hưởng án treo</i>	<i>Tỷ lệ số bị cáo được cho hưởng án treo</i>
2012	1179	246	20.8%
2013	1154	247	21.4%
2014	1140	173	15.1%
2015	1019	167	16.3%
2016	1013	154	16.2%
Tổng	5505	987	17.9%

(Nguồn: Văn phòng - TAND TP Đà Nẵng)

Trong giai đoạn từ năm 2012- 2016, Tòa án các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã đưa ra xét xử tổng cộng 5505 bị cáo, trong đó số bị cáo đủ điều kiện để tòa án cho hưởng án treo là 987 bị cáo chiếm tỉ lệ 17.9%; việc tổng hợp khá chính xác, chưa phát hiện trường hợp tổng hợp sai.

Ví dụ: Tại bản án số: 55/2012/HSST ngày 28/9/2012 của TAND thành phố Đà Nẵng tuyên phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Biên - Địa chỉ: Tổ 05, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng - 02 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 điều 135 BLHS và 01 năm tù về tội "Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật" theo điểm a, đ khoản 2 điều 123 BLHS. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội,

buộc bị cáo phải chấp hành là 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 50 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/9/2012).

Mặc dù, án treo thể hiện tính nhân đạo trong pháp luật hình sự nhưng đối với những đối tượng coi thường pháp luật, nhà làm luật cũng quy định rõ tại khoản 5 điều 60 BLHS: "Đối với người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách, thì tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của điều 51 của bộ luật này" [30]

Ví dụ 1: Tại bản án số: 04/2014/HSST ngày 15/01/2014 của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã tuyên phạt bị cáo Đỗ Thành Long - Địa chỉ: Tổ 60, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng - 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc" theo điều 249 BLHS với thời gian thử thách là 24 tháng. Trong thời gian thử thách, bị cáo phạm tội mới và bị xử phạt 08 năm tù về tội "tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy" theo điểm b, p khoản 2 điều 194 BLHS tại bản án số 29/2014/HSST ngày 24/6/2014 của TAND thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 5 điều 60 BLHS, TAND thành phố Đà Nẵng buộc bị cáo Đỗ Thành Long phải chấp hành hình phạt của bản án trước là 20 tháng tù (01 năm 8 tháng tù) + hình phạt của bản án mới là 08 năm tù = 09 năm 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam (24/3/2008).

Ví dụ 2: Tại bản án số: 88/2012/HSST ngày 15/08/2012 Lê Thị Duyên bị tòa án xét xử và bị tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 2 năm tù về tội "bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật" theo điểm a, đ khoản 2, điều 123 BLHS. Trong thời gian thử thách, Duyên phạm tội mới và bị tuyên phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm d, khoản 3 điều 135 BLHS. Hình phạt chung Lê Thị Duyên phải chấp hành là: 06 tháng tù + 24 tháng tù/3 = 14 tháng tù (01 năm 2 tháng tù).

Ví dụ 3: Tại bản án số: 185/2012/HSST ngày 04/09/2012 của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã tuyên phạt bị cáo Trương Văn Hòa - Địa chỉ: Tổ 16, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng - 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Chưa hết thời hạn thử thách, ngày 29/5/2013, TAND thành phố Đà Nẵng ra bản án số 30/2013/HSST tuyên phạt Trương Văn Hòa 30 tháng tù về tội

"Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy" theo khoản 1 điều 194 BLHS và phải chấp hành hình phạt 36 tháng tù tại bản án số: 185/2012/HSST. Tổng hợp hình phạt của cả hai bản án, buộc bị cáo phải chấp hành 66 tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (28/01/2013). Được khấu trừ thời gian tạm giam, tạm giữ của bản án trước từ ngày 02/6/2012 đến ngày 04/9/2012.

Ví dụ 4: Tại bản án số: 172/2012/HSST ngày 24/09/2012 của TAND huyện Hòa Vang, đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Công Vĩ - Địa chỉ: Xóm 5, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng - 30 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 điều 194. Cộng với 5 tháng 24 ngày tù của bản án số 04/2012/HSPT ngày 22/5/2012 của TAND thành phố Đà Nẵng xét xử về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt chung cho 02 bản án buộc bị cáo phải thi hành 35 tháng 24 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2012 (Bản án số 04/2012/HSPT ngày 22/5/2011 của TAND Thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội trộm cắp tài sản).

2.5. Thực tiễn tổng hợp hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Đối với thành phố Đà Nẵng (từ năm 2011 đến 2015) thì số bị cáo là người chưa thành niên thực hiện hành vi phạm nhiều tội chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng số bị cáo phải xét xử hàng năm.

Bảng 2.5. Số liệu về tổng số bị cáo đã xét xử là người chưa thành niên từ năm 2012 đến 2016

Thời gian	Tổng số bị cáo bị xét xử	Bị cáo đã xét xử là người chưa thành niên		Tổng số	Tỉ lệ
		Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi	Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi		
2012	1179	7	66	73	6.19%
2013	1154	0	42	42	3.4%
2014	1140	0	47	47	4.1%
2015	1019	1	28	29	2.84%
2016	1013	0	18	18	1.77%
Tổng	5505	8	201	209	3.79%

(Nguồn: Văn phòng - TAND TP Đà Nẵng)

Trong giai đoạn từ năm 2012- 2016 tòa án các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã đưa ra xét xử tổng cộng 5505 bị cáo, trong đó số bị cáo là người chưa thành niên là 201 người, chiếm tỉ lệ 3.79%, việc tổng hợp chính xác, chưa có trường hợp sai sót. Phần lớn các tội của người chưa thành niên bị tòa án các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tuyên phạt chủ yếu là các tội liên quan đến lĩnh vực an ninh trật tự, buôn bán ma túy, cướp giật và cố ý gây thương tích.

Ví dụ 1: Tại bản án số: 93/2014/HSST ngày 27/9/2014 của TAND quận Hải Châu, TP Đà Nẵng đã tuyên phạt bị cáo Huỳnh Đình Song (sinh ngày 15/7/1998) - Địa chỉ: Tổ 18 phường Nam Dương, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng - 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 điều 194 BLHS và 05 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo điểm đ khoản 2 điều 139. Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành 07 năm tù giam.

Ví dụ 2: Tại bản án số: 106/2015/HSST ngày 27/9/2015 của TAND quận Hải Châu, TP Đà Nẵng đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thanh Thịnh (sinh ngày 15/7/1998) - Địa chỉ: Tổ 48 phường Bình Hiên, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng - 12 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 1 điều 104 BLHS và 05 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo điểm đ khoản 2 điều 139. Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành 06 năm tù giam.

Ví dụ 3: Tại bản án số: 169/2015/HSST ngày 27/12/2015 của TAND quận Hải Châu, TP Đà Nẵng đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Lài (sinh ngày 15/7/1998) - Địa chỉ: Tổ 33, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng - 9 tháng tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật " theo khoản 1 điều 123 BLHS và 05 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo điểm đ khoản 2 điều 139. Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 5 năm 9 tháng tù giam.

Kết luận chương 2

Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội được quy định tại điều 50 BLHS thì "Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó tổng hợp hình phạt theo quy định". Trường hợp này, đáng chú ý nhất là các nguyên tắc tổng hợp hình phạt và cách thức tổng hợp hình phạt. Tòa án sẽ tuyên hình phạt cho từng tội

sau đó tổng hợp thành hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt qua 30 năm tù. Việc tổng hợp hình phạt phải tuân thủ các nguyên tắc và cách thức nhất định. Ba nguyên tắc là: Nguyên tắc cộng hình phạt, nguyên tắc thu hút, nguyên tắc cùng tồn tại. Mỗi nguyên tắc đều có cách thức tổng hợp riêng.

Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án được quy định tại điều 51 BLHS. Đây là trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án lại bị đem ra xét xử về một tội khác đã thực hiện trước hoặc sau khi có bản án đó và trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án có hiệu lực pháp luật nhưng phần hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đáng chú ý nhất là trường hợp một người đang chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới. Trường hợp này, thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước không được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung

Trường hợp người được hưởng án treo đang trong thời gian thử thách mà lại bị xét xử về một tội đã thực hiện trước khi có bản án cho hưởng án treo thì tùy từng trường hợp Tòa án sẽ cho tiếp tục hưởng án treo một lần nữa hoặc không cho hưởng. Nếu cho người bị phạt tù hưởng án treo một lần nữa thì Tòa án phải tổng hợp hình phạt của cả hai bản án và ấn định thời gian thử thách. Nếu không cho hưởng án treo, Tòa án buộc người bị kết án phải chấp hành đồng thời hai bản án. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính vào thời gian thử thách của án treo.

Việc tổng hợp hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội trong trường hợp có tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi. Từ góc độ hoàn thiện pháp luật hình sự, tác giả cho rằng BLHS cần sớm bổ sung quy định về tổng hợp hình phạt đối với các loại hình phạt khác như Phạt tiền và Cải tạo không giam giữ; cần có sự sửa đổi điều 74, điều 75 BLHS cho rõ ràng, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho Tòa án khi áp dụng (để tổng hợp đúng hình phạt).

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN ĐÚNG TỔNG HỢP HÌNH PHẠT

3.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổng hợp hình phạt

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Việc hoàn thiện những quy định của BLHS đối với các trường hợp tổng hợp hình phạt nhằm sửa đổi, bổ sung những quy định mới cho phù hợp với thực tiễn, dễ hiểu, dễ vận dụng, góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả. Dưới góc độ này, có một số vấn đề được đặt ra như sau:

Thứ nhất, điều 56 BLHS năm 2015 chưa quy định việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp một người đang có bản án chưa có hiệu lực pháp luật thì lại phạm tội mới. Ví dụ: A bị Tòa án tuyên phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích. Trong thời gian A đang được tại ngoại và bản án về tội Cố ý gây thương tích chưa có hiệu lực, A lại phạm tội mới là Trộm cắp tài sản và bị Tòa án tuyên phạt 01 năm tù. Trường hợp này, do điều 56 BLHS chưa quy định làm cho một số Tòa án còn lúng túng khi xử lý. Vì vậy, đề nghị quy định bổ sung trường hợp này tại điều 56 khoản 2 BLHS và nguyên tắc tổng hợp sẽ tương tự như điều 56 khoản 2 vì trường hợp này, Tòa án vừa mới tuyên hình phạt cho bị cáo mà trong khoảng thời gian ngắn trong khi đợi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo đã phạm tội mới, điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của người phạm tội chưa tốt, chưa quyết tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội nên cần phải xử lý nghiêm để họ nhận thức được tính chất sai trái của hành vi của mình.

Thứ hai, điều 56 khoản 1, 2 BLHS năm 2015 còn chưa quy định về trường hợp bị tạm giữ, tạm giam của tội bị đưa ra xét xử (hoặc tội mới) thì sẽ được khấu trừ như thế nào. Ví dụ: Một người đang chấp hành một bản án mà lại bị đưa ra xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, đối với tội bị đưa ra xét xử, người phạm tội đã bị tạm giam 02 tháng để điều tra; hoặc trường hợp một người đang chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, đối với tội mới họ bị tạm giam 03 tháng để điều tra.

Thứ ba, khái niệm “tội nặng nhất” được nêu trong điều 75 BLHS năm 1999 là không rõ ràng, khó xác định; chưa đề cập đến trường hợp phạm hai tội tương đương nhau (ví dụ: cùng là tội rất nghiêm trọng) thì tổng hợp như thế nào. Khoản 1, điều 75 của BLHS quy định: Hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại điều 74 của BLHS là chưa phù hợp, vì mức hình phạt cao nhất quy định tại điều 74 của BLHS là áp dụng đối với một tội phạm và nó làm cơ sở để quyết định hình phạt đối với từng tội phạm cụ thể. Còn trong trường hợp phạm nhiều tội thì mức hình phạt chung sau khi tổng hợp có thể sẽ cao hơn, như thế mới bảo đảm tính công bằng và sự bình đẳng. Trong những điều kiện như nhau thì người phạm nhiều tội phải bị xử lý nghiêm khắc hơn so với người phạm một tội.

Thứ tư, việc lấy mốc thời gian phạm tội trước hoặc sau 18 tuổi làm căn cứ để không chế mức tối đa của hình phạt chung là chưa thật hợp lý, bởi lẽ hình phạt chung được tổng hợp trên cơ sở các hình phạt đối với từng tội, mà các hình phạt này đã được quyết định trên cơ sở cân nhắc đến thời điểm phạm tội trước hoặc sau 18 tuổi rồi, vì vậy không cần cứ lại một lần nữa.

Thứ năm, trong xu thế quốc tế hóa, hội nhập và phát triển cũng đòi hỏi pháp luật hình sự của nước ta nói chung, các quy định về tổng hợp hình phạt nói riêng phải phù hợp với pháp luật quốc tế và có sự tham khảo, chọn lọc các quy định của pháp luật hình sự các nước, trong đó có những quy định về tổng hợp hình phạt.

Từ những phân tích ở trên, có thể thấy nhu cầu hoàn thiện và đổi mới pháp luật hình sự nói chung, các quy định về tổng hợp hình phạt nói riêng mang tính khách quan, cấp thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình mới. Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về tổng hợp hình phạt, kết hợp với thực tiễn áp dụng những quy định này, tác giả nhận thấy quy định của pháp luật hình sự về tổng hợp hình phạt cũng đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập. Điều này đã làm hạn chế phần nào hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiện kinh tế - xã hội có nhiều biến đổi như hiện nay.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án

Thứ nhất: Quy định “Trong trường hợp một người đang phải chấp hành một

bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật này” (BLHS năm 2015). Như vậy, câu hỏi đặt ra là “Tòa án nào? Cấp nào? có thẩm quyền quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án?”. Ví dụ: Ngày 15/3/2016 Phạm Quốc Ngự bị Tòa án Quân sự khu vực M Quân khu L xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS với hình phạt 09 tháng tù, trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa được biết ngày 10/3/2016 bị cáo Phạm Quốc Ngự còn bị Tòa án nhân dân huyện K xét xử 8 tháng cải tạo không giam giữ cũng về tội “*Trộm cắp tài sản*”, như vậy trong trường hợp này theo quy định tại Điều 56 BLHS năm 2015 thì Tòa án sẽ tổng hợp hình phạt của 02 bản án nêu trên. Tuy nhiên trong trường hợp này Điều 56 BLHS năm 2015 không được quy định rõ là Tòa án nào có thẩm quyền tổng hợp hình phạt. Vì vậy cần có văn bản hướng dẫn thi hành quy định rõ thẩm quyền Tòa án tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.

Thứ hai: Để tạo điều kiện thuận lợi trong thực tiễn tổng hợp hình phạt cũng cần có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, cách thức tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.

**Kiến nghị hoàn thiện.* Từ những hạn chế, bất cập nêu trên kiến nghị một số nội dung về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án như sau:

Thứ nhất: Về thẩm quyền Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án. Trong trường hợp các bản án đã có hiệu lực pháp luật đều của cùng một Tòa án thì Chánh án Tòa án đó ra quyết định tổng hợp hình phạt.

Trong trường hợp các bản án đã có hiệu lực pháp luật là của các Tòa án khác nhau nhưng cùng cấp (cùng cấp huyện trong một tỉnh hoặc khác tỉnh, cùng cấp tỉnh, cùng cấp khu vực, cùng cấp quân khu), thì Chánh án tòa án ra bản án sau cùng (về mặt thời gian) ra quyết định tổng hợp hình phạt, cụ thể là: Nếu các bản án đã có hiệu lực pháp luật là của các Tòa án cùng cấp, thì Chánh án Tòa án đã ra bản án sau cùng ra quyết định tổng hợp hình phạt; nếu các bản án đã có hiệu lực pháp luật là của các Tòa án quân sự khu vực khác nhau (trong cùng một quân khu hay khác quân khu), thì Chánh án Tòa án quân sự khu vực đã ra bản án sau cùng ra quyết

định tổng hợp hình phạt; nếu các bản án đã có hiệu lực pháp luật đều là của các Tòa án cấp tỉnh (hoặc đều là của Tòa án quân sự cấp quân khu), thì Chánh án Tòa án cấp tỉnh (hoặc Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu) ra bản án sau cùng ra quyết định tổng hợp hình phạt.

Trong trường hợp các bản án đã có hiệu lực pháp luật của các Tòa án nhưng khác cấp (giữa Tòa án cấp huyện hoặc tương đương với cấp tỉnh hoặc giữa Tòa án quân sự khu vực với Tòa án cấp Quân khu) thì do Chánh án Tòa án cấp tỉnh hoặc cấp Quân khu ra quyết định tổng hợp hình phạt.

Trong trường hợp các bản án có hiệu lực pháp luật của các Tòa án nhân dân huyện hoặc tương đương với Tòa án quân sự khu vực thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc Tòa án cấp Quân khu ra quyết định tổng hợp hình phạt.

Trong trường hợp trong số các bản án đã có hiệu lực pháp luật có bản án là của Tòa án nước ngoài đã được Tòa án Việt Nam công nhận, có bản án là của Tòa án Việt Nam, thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định tổng hợp hình phạt.

Thứ hai: Trình tự, thủ tục Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Tòa án có thẩm quyền tổng hợp hình phạt gửi văn bản yêu cầu Tòa án đã xét xử trước đó gửi bản án và quyết định thi hành án để tiến hành tổng hợp hình phạt. Sau đó làm văn bản tổng hợp hình phạt và thông báo cho Tòa án đã xét xử trước đó về kết quả tổng hợp hình phạt.

Trường hợp thẩm quyền tổng hợp thuộc Chánh án tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp Quân khu thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Tòa án nhân dân cấp huyện hoặc tương đương, Tòa án quân sự khu vực gửi bản án và quyết định thi hành án cho Tòa án có thẩm quyền tổng hợp hình phạt. Tòa án có thẩm quyền tổng hợp hình phạt gửi văn bản yêu cầu Tòa án đã xét xử trước đó gửi bản án và quyết định thi hành án để tổng hợp hình phạt. Sau khi tổng hợp xong hình phạt Tòa án có thẩm quyền tổng hợp hình phạt gửi văn bản tổng hợp cho Tòa án đã xét xử sau.

Việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành về vấn đề tổng hợp hình phạt của nhiều bản án để các Tòa án áp dụng trong thực tiễn xét xử là cần thiết, rất mong Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn cụ thể để việc thi hành BLHS năm 2015 được thống nhất.

3.2. Các giải pháp khác về Tổng hợp hình phạt

3.2.1. Tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về Tổng hợp hình phạt

Để nhận thức đúng đắn và thống nhất về giá trị pháp lý và vai trò thực tiễn của việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt thì cần phải tăng cường giải thích hướng dẫn áp dụng các quy định trên, nhất là giải thích của cơ quan xét xử cao nhất ở nước ta, để làm được điều này thì cần đưa vào một số giải pháp sau:

Thứ nhất, Quốc hội cần nghiên cứu bổ sung quy định trong Hiến pháp và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thẩm quyền giải thích luật của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước, đặc biệt là thẩm quyền giải thích Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh của TANDTC. Khi cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước là Quốc hội đã hoàn toàn chuyên nghiệp và đảm bảo thực hiện triệt để nguyên tắc “luật phải được áp dụng trực tiếp”, thì việc giải thích chính thức và kiểm soát các đạo luật nên giao cho cơ quan lập pháp và cơ quan xét xử cao nhất, bằng định chế “tài phán Hiến pháp – công cụ để duy trì và bảo vệ chế độ Nhà nước pháp quyền và nền dân chủ”

Thứ hai, tiến hành rà soát hệ thống các văn bản giải thích hướng dẫn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt đã hết hiệu lực, hoặc chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp với tình hình phát triển của đất nước, nhằm xây dựng một hệ thống quy phạm pháp luật hình sự về tổng hợp hình phạt sao cho thống nhất, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, góp phần phục vụ đắc lực công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Thứ ba, cần nghiên cứu bổ sung chế định nguồn của Luật hình sự trong BLHS, trong đó ghi nhận về mặt lập pháp các kết quả giải thích hướng dẫn áp dụng chính thức các quy định của Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt với tư cách là nguồn của Luật hình sự Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc nhận thức và sử dụng các kết quả giải thích đó trong thực tiễn đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Thứ tư, trong quá trình soạn thảo để ban hành BLHS cũng như trước khi ban hành các văn bản giải thích hướng dẫn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt, cần tham vấn các nhà nghiên cứu luật học, nhất là những

chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực luật hình sự, cán bộ làm công tác giảng dạy luật hình sự ở các học viện, trường đại học, viện nghiên cứu, cán bộ công tác thực tiễn ở các cơ quan điều tra, truy tố và xét xử, thi hành án hình sự.

3.2.2. Chú trọng tổng kết rút kinh nghiệm về Tổng hợp hình phạt

Để thực hiện việc nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ Tòa án, Chánh án TANDTC đã ban hành công văn số 344/TANDTC-TCCB ngày 07/6/2010 về việc tăng cường kỷ luật công vụ và công tác xét xử. Theo đó, yêu cầu thủ trưởng các đơn vị thuộc TANDTC và chánh án TAND địa phương tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng để cán bộ, công chức thường xuyên giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức chấp hành kỷ luật công vụ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và trách nhiệm công tác được giao. Các phong trào thi đua được tổ chức và phát động trong toàn ngành với chủ đề xuyên suốt là “Phụng công, thủ pháp, chí công vô tư” với phương châm “gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân”. TANDTC đã ban hành kế hoạch số 335/KH-TANDTC ngày 29/12/2011 về tiếp tục triển khai thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong ngành TAND với chủ đề: “Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ thẩm phán, cán bộ, công chức ngành tòa án nhân dân”, nhằm mục tiêu xây dựng ngành TAND trong sạch, vững mạnh về chính trị tư tưởng và tổ chức; đội ngũ thẩm phán, cán bộ, công chức tòa án phải “Phục vụ nhân dân”, “Phụng sự Tổ quốc”. Vụ thi đua - khen thưởng tại TANDTC cũng đã được thành lập, ngoài việc tham mưu cho lãnh đạo TANDTC về công tác thi đua khen thưởng, đơn vị này còn giúp lãnh đạo TANDTC thực hiện việc tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng đối với cán bộ, công chức trong toàn ngành.

Mặt khác, ngành TAND đã triển khai thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Về một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay”. Đối với những đơn vị có tỷ lệ án bị hủy, sửa cao; có dư luận về việc xét xử thiếu khách quan, chưa nghiêm minh hoặc để xảy ra tình trạng cán bộ vi phạm kỷ luật thì đều được gợi ý kiểm điểm để làm rõ khuyết điểm, thiếu sót, tìm ra nguyên nhân, xác định trách nhiệm để có biện pháp xử lý. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị này, đã góp phần nâng cao bản lĩnh

chính trị, tinh thần trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên, đặc biệt là các cán bộ chủ chốt của ngành TAND. Thời gian tới, lãnh đạo TANDTC sẽ chỉ đạo toàn ngành tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và thực hiện cuộc vận động “nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ thẩm phán, cán bộ, công chức ngành toà án nhân dân” gắn với phong trào thi đua “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư”, với phương châm “gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân”. Cùng với việc làm tốt công tác khen thưởng định kỳ hàng năm, cần chú trọng khen thưởng đột xuất đối với những cán bộ có thành tích xuất sắc trong công tác với nhiều hình thức cao quý, phù hợp. Tiếp tục thực hiện việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương IV; kiên quyết đấu tranh với các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong thực thi công vụ. Xây dựng các quy định, quy chế tăng cường kỷ luật công vụ đối với cán bộ, công chức.

Luôn coi trọng công tác tổng kết thực tiễn, kiểm tra việc giải quyết án hình sự của cấp sơ thẩm; giám đốc thẩm, tái thẩm đối với những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án cấp quận, huyện bị kháng nghị và những bản án có ai sót. Để bảo đảm chất lượng của hoạt động này, chủ yếu phải thông qua công tác kiểm tra và giải quyết khiếu nại của Phòng Kiểm tra, giám đốc án tỉnh, thành phố để phát hiện, tham mưu Chánh án tỉnh, thành phố kịp thời báo cáo Tòa án nhân dân cấp cao sửa chữa, khắc phục sai lầm trong áp dụng pháp luật về Tổng hợp hình phạt của toà án cấp quận, huyện.

Tổng kết kinh nghiệm trong giải quyết án hình sự thực chất là tổng kết việc áp dụng pháp luật trong hệ thống cơ quan Toà án theo những chủ đề nhất định và trong một thời gian nhất định như nêu các bản án, quyết định đúng đắn, chính xác, có tính mẫu mực để toàn ngành học tập và những bản án, quyết định đã ban hành chưa chính xác, chưa thoả đáng, còn có những sai lầm trong xem xét, đánh giá chứng cứ, trong việc chọn quy phạm pháp luật để rút kinh nghiệm. Trên cơ sở đó đưa ra những đánh giá thực chất về sự chính xác, phù hợp thực tiễn của các quy phạm pháp luật sau khi được Nhà nước ban hành: Những quy phạm pháp luật nào phát huy tác dụng tốt; những quy phạm pháp luật nào còn mang tính chung chung, trừu tượng khó thực hiện; những quy phạm pháp luật nào quy định quá cụ thể, cứng nhắc

không đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống xã hội. Từ đó, cần có những đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ, giải thích, hướng dẫn những quy phạm pháp luật, nhằm không ngừng nâng cao tính khả thi của các văn bản pháp luật.

Ngoài ra, để nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án thì phải thường xuyên nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức cho Thẩm phán, vì đây chính là lực lượng chủ yếu của hoạt động áp dụng pháp luật. Xây dựng và phát triển đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, đồng thời tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Thư ký, Thẩm tra viên, Chuyên viên pháp lý nhằm bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực để đảm bảo công tác xét xử.

Toà án các cấp cần tạo điều kiện thuận lợi cho Hội thẩm nhân dân thực hiện nhiệm vụ, đồng thời chỉ bố trí Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử khi đã được nghiên cứu hồ sơ, chủ động phối hợp mời Hội thẩm nhân dân tham gia vụ án phù hợp với trình độ chuyên môn. Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, các cơ quan có thẩm quyền trong việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nên có sự phối hợp tốt hơn đối với Toà án trong việc lựa chọn bầu Hội thẩm nhân dân vừa là người đại diện cho nhân dân, nhưng bảo đảm hoạt động xét xử của Toà án.

3.2.3. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ, công chức. Người nói: "Muốn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém", "có cán bộ tốt thì việc gì cũng xong" [22]. Tại Nghị quyết hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VIII về Chiến lược thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng nhấn mạnh: Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong xây dựng Đảng và khi đánh giá về công tác cán bộ của cơ quan tư pháp, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới cũng đã nhấn mạnh những hạn chế, yếu kém của công tác này về số lượng, về trình độ và năng lực nghiệp vụ, một bộ phận tiêu cực, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất đạo đức. Do đó, xây dựng được

đội ngũ cán bộ ngành Tòa án "vừa hồng, vừa chuyên" là nhiệm vụ chủ yếu và vô cùng quan trọng để nâng cao chất lượng xét xử nói chung và chất lượng tổng hợp hình phạt nói riêng. Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong toàn ngành Tòa án thì cần phải thực hiện tốt các giải pháp sau đây :

- Thứ nhất về công tác đào tạo và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ Thẩm phán. Cần xác định đây là giải pháp mang tính đột phá, vì làm tốt công tác này sẽ tạo được chuyển biến sâu sắc về chất lượng đội ngũ cán bộ mà chủ yếu là chất lượng đội ngũ Thẩm phán, chính vì vậy nên cần tập trung chỉ đạo, giao trách nhiệm cho các đơn vị chức năng và Chánh án TAND cấp tỉnh lập kế hoạch và phối hợp với các cơ quan, cơ sở đào tạo trong và ngoài ngành tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ, công chức trong toàn ngành tòa án.

- Thứ hai là nâng cao năng lực vai trò của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân trong hoạt động xét xử. Nhằm giải quyết tốt vấn đề này thì cần giải quyết tốt khâu tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán và bầu Hội thẩm nhân dân. Đồng thời, hoàn thiện các quy định về quyền năng tổ tụng của các chủ thể này. Thực trạng hiện nay tại các thành phố ở Việt Nam do thiếu nhiều thẩm phán ở Tòa án cấp huyện và cấp thành phố, nhất là ở các Tòa án thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Hải Phòng... nên trung bình mỗi Thẩm phán ở TAND cấp tỉnh và cấp quận huyện ở các thành phố lớn có tháng phải chủ tọa từ 10 đến 12 vụ/ tháng tức là đã quá tải so với chỉ tiêu xét xử được giao (5 vụ/1 Thẩm phán/1 tháng), chưa kể các công việc khác mà họ cần phải tham gia cùng chính quyền địa phương. Do vậy việc nâng cao chất lượng Thẩm phán cho Tòa án các cấp là vấn đề hết sức cấp bách hiện nay. Để làm tốt được vấn đề này thì cần phải thực hiện các biện pháp sau :

Một là, nhanh chóng hoàn thiện các quy định về tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân; các quy định về quyền hạn của Tòa án các cấp;

Hai là, quy định chặt chẽ chế độ, tiêu chuẩn đào tạo, tuyển dụng đối với các chức danh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân.

Ba là, quy định và tổ chức thực hiện nghiêm công tác bồi dưỡng thường xuyên về trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ Thẩm phán và Hội

thẩm nhân dân.

Bốn là, quy định chặt chẽ tiêu chuẩn và thực hiện nghiêm túc khoa học công tác bổ nhiệm Thẩm phán và lãnh đạo các cơ quan Tòa án các cấp.

Năm là, phân công nhiệm vụ hợp lý, phù hợp với trình độ và năng lực chuyên môn, tăng cường công tác kiểm tra, tạo điều kiện cần thiết để các Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Sáu là, cần mạnh dạn áp dụng các quy định về tổ chức thi sát hạch thường xuyên đối với đội ngũ Thẩm phán. Đối với các Thẩm phán năng lực còn yếu không đạt yêu cầu qua sát hạch, cần có kế hoạch đào tạo lại, phân công nhiệm vụ khác phù hợp hơn hoặc xử lý khi xem xét tái bổ nhiệm (không tái nhiệm).

Bảy là, thực hiện các giải pháp về tổ chức, nâng cao hiệu quả xét xử các vụ án hình sự là những biện pháp nhằm kiện toàn, đổi mới quy mô, đổi mới cơ chế quản lý, chế độ quan hệ công tác; tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ, nhằm xây dựng trên phạm vi cả nước một hệ thống các Tòa án có cơ cấu tổ chức và biên chế hoạt động có hiệu quả, phù hợp điều kiện phát triển kinh tế, xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Đây là biện pháp quan trọng và cấp bách trong tình hình hiện nay, khi mà cơ cấu tổ chức của các Tòa án còn nhiều bất cập.

Tám là, tổ chức lại các Tòa án các cấp, nhất là ở cấp huyện và cấp tỉnh, kiện toàn biên chế Thẩm phán và phân công nhiệm vụ theo hướng chuyên môn hóa, cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể trong giai đoạn hiện nay, đây là một giải pháp cần sớm được tiến hành để nâng cao hiệu quả xét xử.

Chín là, tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, liên quan đến quyền năng tố tụng và mối quan hệ giữa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân với các chức danh tư pháp khác, nhằm một mặt bảo đảm tối đa điều kiện thực hiện nguyên tắc độc lập xét xử, chỉ tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân;

- Thứ ba, nâng cao ý thức pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ cũng như tư tưởng, đạo đức, bản lĩnh chính trị cán bộ ngành Tòa án, đặc biệt đối với đội ngũ Thẩm phán.

Có thể nói, Thẩm phán là chủ thể chủ yếu thực hiện các quy định của pháp luật về Tổng hợp hình phạt. Họ là những người có quyền quyết định tổng hợp hình

phạt theo quy định, vì vậy chúng ta phải "xây dựng đội ngũ Thẩm phán là những chuyên gia đầu ngành về pháp luật, có kinh nghiệm trong ngành"/[8]. Trong hoạt động tổng hợp hình phạt thì ý thức pháp luật thể hiện ở trình độ pháp lý, năng lực nhận thức và khả năng áp dụng các quy phạm pháp luật ở chế định tổng hợp hình phạt. Ý thức pháp luật giúp Thẩm phán nhận thức và áp dụng đúng đắn các căn cứ, nguyên tắc, cách thức tổng hợp hình phạt để hình phạt chung phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng hình phạt cụ thể. Do vậy, cần nâng cao ý thức pháp luật cho đội ngũ thẩm phán. Bên cạnh đó, cũng cần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm trong công tác cho cán bộ, công chức ngành Tòa án. Việc nâng cao chất lượng cán bộ, công chức được thực hiện ngay từ đầu vào, thông qua khâu tuyển dụng. Trong quá trình công tác, lãnh đạo Tòa án cần tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ, đào tạo nghiệp vụ xét xử, sau đại học, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ... Đồng thời, xây dựng kế hoạch luân chuyển, điều động cán bộ cho hợp lý, phù hợp với năng lực, sở trường và đảm bảo quy định Tổng hợp hình phạt được tuân thủ một cách nghiêm minh, đúng pháp luật. Bên cạnh đó, thường xuyên kiểm tra, thanh tra nội bộ, tăng cường kỷ luật công vụ, xử lý nghiêm đối với các cán bộ công chức vi phạm và quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức trong từng đơn vị.

3.2.4. Bảo đảm chế độ chính sách cho cán bộ tư pháp

Trong thời gian qua, ngoài chế độ chung theo quy định của Nhà nước, TANDTC đã chủ động đề xuất và được Thủ tướng Chính phủ nhất trí ban hành chế độ phụ cấp thâm niên nghề đối với các cán bộ có chức danh tư pháp của ngành TAND và sửa đổi, nâng mức chế độ bồi dưỡng phiên tòa cho những người tiến hành và tham gia tố tụng tại phiên tòa, trong đó có Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội thẩm Tòa án nhân dân.

Hiện nay, lãnh đạo TANDTC đang chỉ đạo các đơn vị chức năng tiếp tục nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của ngành cho phù hợp với đặc thù công tác Tòa án, như: nâng hệ số lương cơ bản, xây

dựng nhà công vụ, các chế độ bảo vệ cán bộ Tòa án, nhằm đảm bảo cho cán bộ trong ngành yên tâm công tác, góp phần nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp của cán bộ toàn ngành, đồng thời kiến nghị cấp thẩm quyền ban hành chế độ thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt vào công tác tại các Tòa án.,

3.2.5. Tăng cường quan hệ phối hợp công tác giữa các cơ quan tư pháp

Hoạt động tố tụng có ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền của con người, ảnh hưởng đến việc bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và các lợi ích khác của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân. Xuất phát từ sự nhạy cảm và tính chất quan trọng như vậy, nên pháp luật không giao thẩm quyền cho một cơ quan thực hiện toàn bộ quá trình chứng minh và xử lý tội phạm, mà phân ra thành nhiều giai đoạn: Khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Mỗi giai đoạn tố tụng tương ứng với thẩm quyền của một cơ quan. Mặc dù có chức năng khác nhau, nhưng trong hoạt động tố tụng, các cơ quan đều có chung nhiệm vụ là đấu tranh, phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và cùng có trách nhiệm bảo đảm mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội, tôn trọng quyền và lợi ích của công dân, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Chính từ mục đích chung đó và trên cơ sở nguyên tắc tổ chức thực hiện quyền lực Nhà nước, đã hình thành nên mối quan hệ phối hợp trong hoạt động tố tụng giữa Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và Tòa án, là một trong những lĩnh vực phối hợp thực hiện quyền lực Nhà nước có tính nguyên tắc, tất yếu. Nếu phối hợp thực hiện không tốt sẽ ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả hoạt động tố tụng.

Trong thực tế Cơ quan điều tra phối hợp với Viện Kiểm sát ngay từ khi khởi tố, điều tra vụ án. Công tác khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, điều tra, thu thập chứng cứ đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa hai cơ quan này. Đối với những vụ trọng án, những vụ án được dư luận xã hội quan tâm đặc biệt, được lãnh đạo các cơ quan trong khối nội chính tập trung chỉ đạo từ công tác kiểm sát điều tra, đến việc bàn bạc thống nhất biện pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ điều tra vụ án. Nhờ vậy, chất lượng điều tra, truy tố được nâng lên, hạn chế đáng kể việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan

tiến hành tố tụng.

Không chỉ phối hợp với Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân, Cơ quan điều tra còn phối hợp với Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm... trong các vụ án phức tạp. Viện Kiểm sát tăng cường phối hợp với Tòa án trong nhiều hoạt động, nhất là trong giai đoạn truy tố, xét xử. Viện Kiểm sát còn phối hợp với Tòa án tổ chức rút kinh nghiệm nhiều phiên tòa, nhất là các phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp.

Ngoài ra, hai ngành còn thường xuyên phối hợp trong hoạt động giải quyết và kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc dân sự, kinh doanh thương mại, lao động, nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ việc của Tòa án kịp thời, đúng pháp luật, góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Trong quá trình thụ lý vụ án, những vướng mắc, khó khăn được trao đổi giữa các cơ quan này. Đối với cơ quan Thi hành án trong các vụ việc phức tạp cũng đã có sự trao đổi, phối hợp như trường hợp các vụ án liên quan đến việc cưỡng chế các gia đình thân nhân liệt sĩ...

Đặc biệt từ khi Ban Nội chính được thành lập, trở thành đơn vị khâu nối giữa các cơ quan trong khối nội chính với nhau và giữa các cơ quan nội chính với Ban Thường vụ, Thường trực Ban Bí thư để có sự lãnh đạo, chỉ đạo khi giải quyết các vụ án, vụ việc quan trọng xảy ra trên địa bàn...

Trên cơ sở quy chế phối hợp, các cơ quan trong khối đã thực hiện việc cung cấp thông tin, gửi các báo cáo định kỳ cho Ban Nội chính Trung ương về công tác nội chính, công tác phòng, chống tham nhũng và các nội dung có liên quan khác khi Ban Nội chính yêu cầu. Báo cáo kịp thời những vụ án phức tạp, có những quan điểm khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng về xử lý vụ án, những vụ án dư luận xã hội quan tâm.

Có thể khẳng định, hoạt động phối hợp giữa các cơ quan nội chính là hết sức cần thiết và phải được duy trì thường xuyên, bền vững. Thời gian tới cần nâng cao chất lượng phối hợp giữa các cơ quan trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, giải quyết vụ án. Duy trì thường xuyên các cuộc họp liên ngành, tổ chức các phiên họp đột xuất giữa các ngành làm án để bàn biện pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó cũng cần nâng cao việc thu thập, so sánh đối chiếu các quy định của pháp luật Việt Nam về tổng hợp hình phạt với các quy định của pháp luật các nước có hệ thống pháp luật tiên tiến trên thế giới như Đức, Nhật, Mỹ... Đơn cử như pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và hệ thống tư pháp của Cộng Hòa Liên Bang Đức thì có thể thấy rằng Bộ luật hình sự là nguồn chủ yếu quy định về tội phạm và hình phạt. Tuy nhiên, ngoài BLHS, một số văn bản khác cũng quy định về tội phạm và hình phạt như Luật về vũ khí, Luật về giám sát chiến tranh, Luật về chất gây nghiện, Luật về quản lý thuế...

Theo pháp luật hình sự Đức, tội phạm được chia ra thành hai loại là tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng. Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có thể bị phạt tiền bằng 5 ngày lương tối thiểu trở lên hoặc bị phạt tù đến 1 năm. Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có thể bị phạt tù từ trên 1 năm tù đến 15 năm tù hoặc tù chung thân.

Về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, người từ đủ 14 tuổi trở lên có thể phải chịu trách nhiệm hình sự. Người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi là người chưa thành niên phạm tội và họ chỉ có thể phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm nghiêm trọng và trách nhiệm hình sự đối với họ nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội tương tự. Người phạm tội từ đủ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi, mặc dù là người đã thành niên nhưng họ là người mới trưởng thành, nhận thức của họ còn hạn chế nên khi phạm tội họ cũng được hưởng tình tiết giảm nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội từ đủ 21 tuổi trở lên.

Về hệ thống hình phạt, ở Đức từ năm 1949 đã bãi bỏ hình phạt tử hình. Hiện nay, hình phạt nặng nhất được quy định trong BLHS Đức là tù chung thân. Mức cao nhất của hình phạt tù có thời hạn có thể áp dụng đối với mỗi tội phạm là không quá 15 năm tù.

Về Tổng hợp hình phạt, trong trường hợp một người phạm nhiều tội thì Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó tổng hợp hình phạt theo nguyên tắc thu hút hình phạt. Theo đó, nếu các hình phạt mà Tòa án đã tuyên đều là tù có thời hạn thì khi tổng hợp hình phạt Tòa án không cộng toàn bộ các hình phạt mà chỉ thu hút một phần hình phạt nhẹ vào hình phạt nặng nhất và không quá 15 năm tù. Ví dụ,

một người bị phạt tù về 2 tội, tội thứ nhất bị phạt 8 năm tù, tội thứ hai bị phạt 6 năm tù thì khi tổng hợp hình phạt Tòa án sẽ không cộng toàn bộ ($8 + 6 = 14$ năm tù) mà chỉ thu hút một phần hình phạt nhẹ vào hình phạt nặng nhất đã tuyên, có thể Tòa án quyết định hình phạt sau khi tổng hợp là 11 hoặc 12 năm tù.

Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh chống tội phạm trong tình hình mới, trong những năm gần đây, pháp luật hình sự của Đức cũng đã được sửa đổi, bổ sung. Đáng chú ý là đã bổ sung một số tội phạm mới trong lĩnh vực internet, máy tính như tội phá mã khóa, xâm nhập trái phép vào dữ liệu của người khác...; sửa đổi mức phạt tiền của hình phạt tiền; bổ sung các biện pháp có tính chất phòng ngừa đối với những đối tượng có nguy cơ tái phạm. Ví dụ, đối với những tội phạm có tính chất bạo lực, hiếp dâm trẻ em thì sau khi chấp hành xong hình phạt, người phạm tội có thể bị cách ly khỏi môi trường mà họ có thể tiếp tục phạm tội hoặc sau khi chấp hành xong hình phạt, họ còn có thể bị áp dụng biện pháp giám sát đặc biệt một thời gian nhất định .

Ngoài ra, chúng ta cũng nên học hỏi thêm những kinh nghiệm của những nước có nền pháp luật tiên tiến về việc tuyển chọn đào tạo đội ngũ thẩm phán, công tố viên. Đơn cử như ở Cộng Hòa Liên Bang Đức thì có thể thấy rằng để có thể được tuyển chọn vào Cơ quan Công tố hoặc Tòa án, ứng viên phải trải qua 4 năm học tập tại trường Đại học Luật (học qua 8 kỳ học). Sau đó phải trải qua kỳ thi quốc gia (lần thứ nhất) do Bộ Tư pháp Bang tổ chức. Sau khi đỗ kỳ thi này, họ phải trải qua 2 năm thực tập tại Cơ quan công tố, Tòa án, Văn phòng luật sư, cơ quan hành chính... Sau đó, họ phải đăng ký dự kỳ thi quốc gia (lần thứ hai). Sau khi đỗ kỳ thi này, người đó có quyền hành nghề luật.

Tuy nhiên, chỉ có khoảng 25% số người đỗ cả hai kỳ thi quốc gia mới có thể được xét tuyển vào làm việc tại Cơ quan công tố và Tòa án.

Để được tuyển chọn vào làm việc ở Cơ quan Công tố hoặc Tòa án, ứng viên sau khi đỗ hai kỳ thi quốc gia phải được xem xét, tuyển chọn bởi một Hội đồng tuyển chọn của Bang (2/3 số Bang của Đức có Hội đồng tuyển chọn). Thành phần Hội đồng tuyển chọn bao gồm các đại biểu Quốc hội, Thẩm phán, Công tố viên... (Các Bang không thành lập Hội đồng tuyển chọn thì do do Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Bang trực tiếp xem xét, quyết định bổ nhiệm). Hội đồng tuyển chọn sẽ xem xét về nhân cách, khả năng làm việc theo nhóm, khả năng giao tiếp, ứng xử của ứng viên xem có phù hợp với công việc sẽ đảm nhận hay không. Nếu được tuyển chọn, người đó sẽ phải trải qua 3 năm tập sự. Trong thời gian tập sự, họ được Công tố viên, Thẩm phán có kinh nghiệm kèm cặp, hướng dẫn. Họ có thể cùng tham dự phiên tòa với Công tố viên, Thẩm phán nhưng không được phép thực hiện các hành vi tố tụng. Nếu trong thời gian tập sự họ được đánh giá tốt thì sẽ được xem xét, bổ nhiệm làm Công tố viên hoặc Thẩm phán. Việc bổ nhiệm là không kỳ hạn. Tuổi công tác của Công tố viên và Thẩm phán là đến 65 tuổi. Công tố viên và Thẩm phán không thể bị sa thải, trừ khi họ phạm tội.

Đối với Công tố viên cơ quan công tố liên bang và Thẩm phán Tòa án Liên bang, Hội đồng tuyển chọn Liên bang sẽ xem xét, tuyển chọn (thường ứng viên đã trải qua thời gian làm Công tố viên, Thẩm phán Tòa án Bang). Hội đồng tuyển chọn Công tố viên, Thẩm phán Liên bang gồm 16 Bộ trưởng Bộ Tư pháp của bang, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Liên bang và một số đại biểu Quốc hội. Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn Công tố viên, Thẩm phán Liên bang là Bộ trưởng Bộ Tư pháp Liên bang. Trên cơ sở kết quả tuyển chọn và đề nghị của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Liên bang, Tổng thống Liên bang ra quyết định bổ nhiệm Công tố viên và Thẩm phán Liên bang.

KẾT LUẬN

Như vậy, về mặt lý luận, thực tiễn quy định Tổng hợp hình phạt là đề tài chưa được nghiên cứu một cách độc lập trong khoa học pháp lý mà là một phần của của nhiều công trình khoa học nghiên cứu về hình phạt và quyết định hình phạt. Trong hoàn cảnh đó, luận văn thạc sĩ với tên gọi "*Tổng hợp hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Đà Nẵng*" đã đạt được những kết quả nghiên cứu có tính mới về khoa học và có giá trị thực tiễn như sau:

1. Luận văn đã xây dựng khái niệm: Tổng hợp hình phạt là việc Tòa án xác định hình phạt chung cho người phạm tội bị kết án. Hình phạt chung là sự đánh giá đầy đủ và toàn diện nhất của Nhà nước đối với tất cả các tội mà bị cáo đã thực hiện.

2. Luận văn cũng xây dựng được khái niệm: Các nguyên tắc tổng hợp hình phạt là những tư tưởng chỉ đạo trong quá trình xây dựng và áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự để Tòa án tổng hợp hình phạt chính xác đối với người phạm tội.

Các nguyên tắc tổng hợp hình phạt có quan hệ chặt chẽ với các nguyên tắc quyết định hình phạt và có quan hệ biện chứng với các nguyên tắc chung của luật hình sự. Các nguyên tắc tổng hợp hình phạt bao gồm: Nguyên tắc cộng hình phạt, nguyên tắc thu hút, nguyên tắc cùng tồn tại. Các nguyên tắc này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung, hỗ trợ nhau tạo thành một thể thống nhất trong chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Luận văn đã khái quát hóa được lịch sử hình thành và phát triển của quy định về Tổng hợp hình phạt từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Lần đầu tiên, các quy định này được pháp điển hóa tại BLHS đầu tiên năm 1985, tuy nhiên BLHS năm 1985 lại chưa kế thừa được một số quy định hợp lý trong các văn bản thời kỳ trước đó dẫn đến một số vướng mắc khi áp dụng. Điều này cũng là nguyên nhân đòi hỏi cần sửa đổi bổ sung trong BLHS mới đó là BLHS năm 1999. Có thể nói, qua các lần sửa đổi bổ sung BLHS 1985, BLHS 1999 đến BLHS năm 2015 thì các quy định về tổng hợp hình phạt đã được hoàn thiện hơn, phù hợp hơn.

4. Luận văn đã tổng hợp, phân tích các trường hợp Tổng hợp hình phạt trong BLHS. Đó là các trường hợp: Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

(điều 50), Tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án (điều 51), Tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội (điều 75) và Tổng hợp hình phạt trong các trường hợp liên quan đến án treo (khoản 5 điều 60). Các trường hợp này được phân tích dưới hai góc độ lý luận và áp dụng các quy định trong quá trình xét xử trên địa bàn TP Đà Nẵng. Trong quá trình phân tích nội dung của quy định về tổng hợp hình phạt, tác giả đã tổng hợp các quan điểm của các nhà khoa học để đưa ra cách nhìn đa chiều về các vấn đề còn có nhiều ý kiến nhằm đánh giá một cách khách quan, khoa học các quy định pháp luật của quy định này. Bên cạnh đó, tác giả tham khảo BLHS một số nước như Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Thụy Điển quy định về tổng hợp hình phạt, qua đó thấy được các nét tương đồng và khác biệt trong quy định giữa BLHS Việt Nam với một số nước trên thế giới.

5. Trong quá trình vận dụng quy định về Tổng hợp hình phạt và các quan điểm chỉ đạo của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về cải cách tư pháp trong đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy phải cần thiết hoàn thiện các quy định pháp luật về chế định tổng hợp hình phạt. Đó là các quy định: Việc khấu trừ thời gian tạm giam, tạm giữ trong trường hợp tổng hợp hình phạt của nhiều bản án; trường hợp một người phạm nhiều tội và bị xét xử bằng nhiều bản án, trong đó tội xảy ra trước thì xét xử sau, tội xảy ra sau thì xét xử trước và trường hợp một người đang có bản án chưa có hiệu lực pháp luật thì lại phạm tội mới; trường hợp người được hưởng án treo đang trong thời gian thử thách lại bị đưa ra xét xử về tội phạm đã thực hiện trước khi có bản án cho hưởng án treo; trường hợp nếu tất cả các tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại điều 74 bộ luật này.

6. Để nâng cao hiệu quả áp dụng quy định Tổng hợp hình phạt thì yếu tố con người được đặt với vai trò trung tâm. Nhiệm vụ xây dựng đội ngũ Thẩm phán là những chuyên gia đầu ngành về pháp luật, có kinh nghiệm trong ngành được chú trọng. Điều đó vừa có ý nghĩa quan trọng trên cả phương diện lý thuyết và thực tiễn để nhằm mục đích đấu tranh và phòng ngừa hiệu quả với các hành vi phạm tội thuộc trường hợp áp dụng quy định tổng hợp hình phạt.

Qua nghiên cứu về lý luận và thực tiễn áp dụng chế định Tổng hợp hình phạt

trên địa bàn TP Đà Nẵng, trong phạm vi nghiên cứu của luận văn và nội dung đề tài còn nhiều vấn đề phức tạp, với khả năng còn hạn chế nhưng tác giả mong muốn được đóng góp kiến thức vào hệ thống lý luận chung của Luật hình sự về quy định này. Từ đó, tác giả mong muốn góp phần nhỏ, nhằm nâng cao hiệu quả trong thực tiễn áp dụng quy định tổng hợp hình phạt nói riêng cũng như nhiệm vụ cải cách tư pháp hiện nay nói chung.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự*, tập 3, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Nguyễn Khắc Công (1991), "Một số suy nghĩ về chế định án treo", *Tòa án nhân dân*, (1), tr. 6-9.
3. Đinh Thị Chiến, (2000), "Điều 50, 51 có mâu thuẫn với Điều 33 BLHS hay không", *Đặc san khoa học pháp lý*, (4), tr. 43-45.
4. Đỗ Văn Chính (2004), "Về việc tổng hợp hình phạt", *Tòa án*, (1), tr. 38-39.
5. Chính phủ (1946), *Sắc lệnh số 21/SL 14/2/1946 Chủ tịch Chính phủ lâm thời Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
9. Nguyễn Văn Động (Chủ biên) (2010), *Xây dựng và hoàn thiện pháp luật nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Tư pháp, Hà Nội
10. Vũ Tuấn Đức, Hà Hồng Sơn (2013), "Một số vấn đề về Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định tại điều 51 BLHS", *Tòa án nhân dân*, (6), tr. 15-21.
11. Phạm Hồng Hải (2000), "Một số điểm mới cơ bản trong phần chung BLHS năm 1999", *Nhà nước và Pháp luật*, (6), tr. 46-49.
12. Trần Thị Hiền (2011), *BLHS Nhật Bản*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
13. Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên) (2001), "Chương quyết định hình phạt", trong sách: *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
14. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (2006) chủ biên, *Từ điển Pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

15. Phạm Thị Bích Học (1999), "Điều kiện thử thách của án treo và hậu quả pháp lý của việc vi phạm điều kiện thử thách của án treo theo luật hình sự Việt Nam", *Luật học*, (2), tr. 39-43.
16. Phạm Mạnh Hùng (1999), "Vấn đề người chưa thành niên phạm tội trong luật hình sự", *Kiểm sát*, (4), tr. 19-23.
17. Hoàng Chí Kiên (2004), *Quyết định hình phạt trong trường hợp đặc biệt*, Luận văn thạc sĩ luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật
18. Lê Văn Luật (2005) *Chế định án treo trong luật hình sự Việt Nam*, (Sách tham khảo), Nxb Tư pháp, Hà Nội.
19. Ưông Chu Lưu (Chủ biên) (2001), *Bình luận khoa học BLHS Việt Nam năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Dương Tuyết Miên (2003) *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
22. Dương Tuyết Miên (2006), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
23. Dương Tuyết Miên (2014), "Quy định về hình phạt và Tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội trong Bộ luật hình sự Việt Nam và một số kiến nghị", *Luật học*, (3), tr. 24-29, 41.
24. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 phần chung*, Nxb TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
25. Đinh Văn Quế (2004), "Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án", *Tòa án nhân dân*, (11), tr. 19-22.
26. Đinh Văn Quế (2012), "Một số vấn đề về tổng hợp hình phạt tù với án treo", *Tòa án nhân dân*, (9), tr. 21-26.
27. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
28. Quốc hội (1989), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
29. Quốc hội (1991), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
30. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
31. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.

32. Trần Văn Sơn (1996) *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội
33. Phạm Văn Thiệu (2008), "Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án", *Tòa án nhân dân*, (3), tr. 14-17.
34. Tòa án nhân dân tối cao (1964), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1964*, Hà Nội.
35. Tòa án nhân dân tối cao (1973), *Công văn số 612/NCPL ngày 14/7/1973 hướng dẫn các Tòa địa phương về việc viết các bản án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm*, Hà Nội.
36. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Hà Nội.
37. Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng thi hành một số điều của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
38. Tòa án nhân dân tối cao (1988), *Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể việc quyết định hình phạt chung đối với người phạm tội*, Hà Nội.
39. Tòa án nhân dân tối cao (1990), *Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 18/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng thi hành về điều 44 Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
40. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1991), *Thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 20/12/1991 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
41. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an (2000), *Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA ngày 05/7/2000 hướng dẫn thi hành điều 7 BLHS và mục 2 Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21/12/1999 của Quốc hội*, Hà Nội.
42. Tòa án nhân dân tối cao (2007), *Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình*

- phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, Hà Nội.*
43. Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng (2010-2014), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Tòa án nhân dân từ năm 2011 đến năm 2016*, TP Đà Nẵng .
 44. Tòa án nhân dân tỉnh TP Đà Nẵng (2014), *Báo cáo ngày 17/10/2014 của Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân tỉnh TP Đà Nẵng về kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn TP Đà Nẵng* .
 45. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *BLHS Thụy Điển*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 46. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *BLHS Liên bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 47. *Từ điển Triết học* (1975), Nxb Tiến bộ, Matxcova
 48. Phạm Minh Tuyên (2012), "Những vướng mắc về vấn đề Tổng hợp hình phạt tù có thời hạn với án treo trong thực tiễn xét xử hiện nay", *Tòa án nhân dân*, (6), tr. 17-21.
 49. Phạm Minh Tuyên (2014), "Một số vấn đề về Tổng hợp hình phạt tù có thời hạn với án treo trong thực tiễn xét xử hiện nay", *Kiểm sát*, (2), tr. 29- 43.
 50. Đào Trí Úc (Chủ biên) (1996), Chương "Quyết định hình phạt theo luật hình sự Việt Nam", trong sách: *Tội phạm học, luật hình sự và luật Tố tụng hình sự* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 51. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
 52. GS.TS Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2014) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, phần chung, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 53. GS.TS Võ Khánh Vinh (1990), *Nguyên tắc cá thể hóa việc quyết định hình phạt*, tr. 12-16.

TIẾNG ANH

54. *Criminal code of the People Republic of China.*
55. Regeringskansliet, offsetcentral (1999), *The Swedish Penal Code*. 79. Von Hirsch (1976), *Doing justice*, New York: Hill & Wang.